

Số: 743 /TB-ĐHHHVN-ĐT

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2018

THÔNG BÁO

Thay đổi Chương trình đào tạo cho sinh viên đại học chính quy khóa 58

Kính gửi:

- Các Khoa/Viện có sinh viên;
- Các Phòng: Thanh tra và ĐBCL, CTSV, KH-TC;
- Sinh viên hệ ĐH chính quy khóa 58.

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-ĐHHHVN-ĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị điều chỉnh Chương trình đào tạo của các Khoa/Viện và Trường phòng Đào tạo,

Nhà trường thông báo điều chỉnh Chương trình đào tạo áp dụng cho sinh viên hệ đại học chính quy khóa 58 với nội dung chủ yếu sau đây:

- Thay đổi tổng số tín chỉ một số chương trình đào tạo;
- Thay đổi mã học phần, tên học phần, số tín chỉ học phần, điều kiện tiên quyết và phân kỳ một số học phần.

Chi tiết những Chương trình đào tạo điều chỉnh được nêu trong phụ lục đính kèm thông báo này. Đề nghị các Khoa/Viện thông báo rộng rãi tới các Sinh viên, Cố vấn học tập và các cá nhân, đơn vị liên quan.

Nơi nhận:

- Các Phó HT (để chỉ đạo);
- Như trên;
- Lưu: VT, PDT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Lương Công Nhó

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số: 743/TB-ĐH HHVN-ĐT ngày 10 tháng 08 năm 2018)

STT	TÊN CHUYÊN NGÀNH	KHOA/VIỆN QUẢN LÝ
1	Máy và tự động hóa xếp dỡ	Viện Cơ khí
2	Kỹ thuật cơ khí	
3	Kỹ thuật cơ điện tử	
4	Kỹ thuật ô tô	
5	Kỹ thuật nhiệt lạnh	
6	Tiếng Anh thương mại	Khoa Ngoại ngữ
7	Ngôn ngữ Anh	
8	Điện tự động tàu thủy	Khoa Điện - Điện tử
9	Điện tử viễn thông	
10	Điện tự động công nghiệp	
11	Tự động hóa hệ thống điện	
12	Kỹ thuật môi trường	Viện Môi trường
13	Kỹ thuật hóa dầu	
14	Xây dựng công trình thủy	Khoa Công trình
15	Kỹ thuật an toàn hàng hải	
16	Xây dựng dân dụng CN	
17	Kỹ thuật cầu đường	
18	Kiến trúc DD & CN	Khoa Kinh tế
19	Kinh tế vận tải biển	
20	Kinh tế ngoại thương	
21	Logistics và chuỗi cung ứng	
22	Kinh tế vận tải thủy	Khoa Quản trị - Tài chính
23	Quản trị kinh doanh	
24	Quản trị tài chính kế toán	
25	Quản trị tài chính ngân hàng	Khoa Đóng tàu
26	Thiết kế tàu và CT ngoài khơi	
27	Đóng tàu và công trình ngoài khơi	

STT	TÊN CHUYÊN NGÀNH	KHOA/VIỆN QUẢN LÝ
28	Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ TT
29	Công nghệ phần mềm	
30	Kỹ thuật truyền thông và MMT	
31	Điều khiển tàu biển	Khoa Hàng hải
32	Luật hàng hải	
33	Điều khiển tàu biển - Lớp chọn	Viện Đào tạo CLC
34	Khai thác Máy tàu biển - Lớp chọn	
35	Công nghệ thông tin - Lớp CLC	
36	Điện tự động công nghiệp - Lớp CLC	
37	Khai thác máy tàu biển	Khoa Máy tàu biển
38	Máy tàu thủy	

1. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Máy và tự động hóa xếp dỡ (D109)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 100 TC

Tự chọn tối thiểu: 15 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
2. Nhập môn kỹ thuật (22626-3TC)		2. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
3. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		3. Kỹ thuật điện (13476-3TC)	18201
4. Vật lý 1 (18201-3TC)		4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước
1. Nguyên lý máy (22628-3TC)	18405	1. Cơ sở thiết kế máy (22623-5TC)	22628
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Dung sai và kỹ thuật đo (22629-3TC)	22628
3. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18124	3. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)	
4. Vẽ kỹ thuật cơ khí (18305-2TC)	18304	4. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18124
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Toán ứng dụng (18131-3TC)	18124
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước
1. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC)	22501	1. Công nghệ chế tạo cơ khí (22512-3TC)	22502
2. Cơ kết cấu (22301-3TC)	18504	2. Máy trục (22341-4TC)	22623
3. Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC)	18405	3. CAD/CAM và CNC (22504-3TC)	22502
4. Kết cấu thép máy nâng chuyển (22351-4TC)	18504	4. Thí nghiệm thủy lực (22357-2TC)	22608
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		1. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)	
2. Tin học văn phòng (17102-3TC)		2. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
		3. Máy nâng (22360-3TC)	
		4. Động cơ đốt trong (22154-3TC)	18124
		5. Quản lý sản xuất (22356-2TC)	
		6. An toàn công nghiệp (22355-2TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. CN sửa chữa và lắp dựng MNC (22358-4TC)	22341	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
2. Máy vận chuyển liên tục (22352-3TC)	22623	1. Đồ án tốt nghiệp (22327-6TC)	22341,22358
3. Tự động hóa xếp dỡ (22354-2TC)		2. Tính toán máy nâng chuyển (22364-3TC)	22341
4. Thực tập sản xuất (22363-4TC)		3. Kỹ thuật an toàn thiết bị nâng (22365-3TC)	22358
II. Tự chọn			
1. Máy xây dựng (22321-2TC)			
2. Tiêu chuẩn thiết kế MNC (22359-2TC)			

2. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí (D116)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 101 TC

Tự chọn tối thiểu: 13 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
2. Nhập môn kỹ thuật (22626-3TC)		2. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
3. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		3. Kỹ thuật điện (13476-3TC)	18201
4. Vật lý 1 (18201-3TC)		4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước
1. Nguyên lý máy (22628-3TC)	18405	1. Cơ sở thiết kế máy (22623-5TC)	22628
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Dung sai và kỹ thuật đo (22629-3TC)	22628
3. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18124	3. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)	
4. Vẽ kỹ thuật cơ khí (18305-2TC)	18304	4. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18124
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Toán ứng dụng (18131-3TC)	18124
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Máy công cụ (22604-3TC)	22623	1. Quản lý và bảo trì CN (22632-2TC)	
2. Thiết kế và qui hoạch CT cơ khí (22607-3TC)	18124	2. Thiết kế sản phẩm với CAD (22633-4TC)	22623
3. Đồ gá và dụng cụ cắt (22631-3TC)	22623	3. Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC)	18405
4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC)	22501	II. Tự chọn	
5. Phương pháp phân tử hữu hạn (22630-3TC)	18124	1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
II. Tự chọn		2. KT lập trình PLC và ứng dụng (22708-3TC)	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		3. Ma sát, mòn và bôi trơn (22609-3TC)	
2. Tin học văn phòng (17102-3TC)		4. HT điều khiển bằng khí nén (22644-2TC)	
3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)		5. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. Thiết kế công nghệ chế tạo CK (22634-4TC)	22623	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
2. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (22635-2TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (22617-6TC)	
3. ƯD PP số trong gia công CK (22636-3TC)	22502	2. Các ứng dụng của CAD (22618-3TC)	22633
4. Kỹ thuật cơ khí LAB (22637-2TC)		3. Xây dựng đề án kỹ thuật (22619-3TC)	22607
5. Thực tập sản xuất (22638-4TC)			

3. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ điện tử (D117)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 103 TC

Tự chọn tối thiểu: 13 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
2. Nhập môn kỹ thuật (22626-3TC)		2. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
3. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		3. Kỹ thuật điện (13476-3TC)	18201
4. Vật lý 1 (18201-3TC)		4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước
1. Nguyên lý máy (22628-3TC)	18405	1. Cơ sở thiết kế máy (22623-5TC)	22628
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Dung sai và kỹ thuật đo (22629-3TC)	22628
3. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18124	3. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)	
4. Vẽ kỹ thuật cơ khí (18305-2TC)	18304	4. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18124
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Toán ứng dụng (18131-3TC)	18124
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Kỹ thuật điện tử (13252-2TC)		1. Cảm biến (22718-2TC)	
2. Công cụ phần mềm (22711-2TC)		2. Công nghệ chế tạo cơ khí (22512-3TC)	22502
3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)		3. Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC)	18405
4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC)	22501	4. Vi điều khiển trong CĐT (22715-2TC)	13252
5. Động lực học hệ nhiều vật (22701-3TC)	18405	5. Thiết kế hệ thống cơ điện tử LAB (22721-2TC)	22714
6. Cơ cấu chấp hành (22714-3TC)	13476	II. Tự chọn	
		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
		3. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. CAD/CAM và CNC (22504-3TC)	22502	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
2. Khí cụ điện (22716-3TC)	13476	1. Đồ án tốt nghiệp (22720-6TC)	
3. KT lập trình PLC và ứng dụng (22708-3TC)		2. Mô phỏng số và ĐK các hệ ĐL (22724-3TC)	
4. Thực tập sản xuất (22722-4TC)		3. Kỹ thuật Robot (22723-3TC)	
II. Tự chọn			
1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)			
2. Truyền động điện và ĐTCS (22717-3TC)			
3. Quản lý và đánh giá CLSP (22509-2TC)			
4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)			

4. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật ô tô (D122)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 102 TC

Tự chọn tối thiểu: 13 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
2. Nhập môn kỹ thuật (22626-3TC)		2. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
3. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		3. Kỹ thuật điện (13476-3TC)	18201
4. Vật lý 1 (18201-3TC)		4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước
1. Nguyên lý máy (22628-3TC)	18405	1. Cơ sở thiết kế máy (22623-5TC)	22628
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Dung sai và kỹ thuật đo (22629-3TC)	22628
3. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC)	18124	3. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC)	
4. Vẽ kỹ thuật cơ khí (18305-2TC)	18304	4. Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC)	18124
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Toán ứng dụng (18131-3TC)	18124
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước
1. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC)	22501	1. CN chế tạo phụ tùng ô tô (22155-3TC)	22502
2. Lý thuyết ô tô (22151-3TC)	22628	2. Tính toán thiết kế ô tô (22152-3TC)	22623
3. Động cơ đốt trong (22154-3TC)	18124	3. CAD/CAM và CNC (22504-3TC)	22502
4. Hóa kỹ thuật (26206-3TC)		4. Thí nghiệm ô tô (22158-2TC)	22151
5. Kết cấu ô tô (22153-3TC)	22628	II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Xe chuyên dụng (22160-3TC)	22151
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		2. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Tin học văn phòng (17102-3TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. Sửa chữa và bảo dưỡng ô tô (22156-4TC)	22155	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
2. Trang bị điện và HT ĐK GS ô tô (22157-3TC)	13476	1. Đồ án tốt nghiệp (22126-6TC)	
3. Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC)	18405	2. Hệ thống truyền lực ô tô (22167-3TC)	22623
4. Thực tập sản xuất (22163-4TC)		3. CN đóng mới trong KT ô tô (22166-3TC)	22151
II. Tự chọn			
1. Công nghệ sơn phủ ô tô (22165-2TC)	22153		
2. Kỹ thuật chẩn đoán ô tô (22161-2TC)	13476		
3. Quản lý vận tải (22162-2TC)			
4. Quản lý sản xuất (22356-2TC)			

5. Ngành: Kỹ thuật cơ khí (7520103)-Chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh (D123)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 102 TC

Tự chọn tối thiểu: 13 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - Toán cao cấp (18124-4TC) - Nhập môn kỹ thuật (22626-3TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Vật lý 1 (18201-3TC) - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) - Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124 - Kỹ thuật điện (13476-3TC) 18201 - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước - Nguyên lý máy (22628-3TC) 18405 - Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405 - Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC) 18124 - Vẽ kỹ thuật cơ khí (18305-2TC) 18304 - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Thực tập cơ khí (20101-2TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 17 TC Học trước - Cơ sở thiết kế máy (22623-5TC) 22628 - Dung sai và kỹ thuật đo (22629-3TC) 22628 - Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC) - Kỹ thuật điều khiển tự động (22702-3TC) 18124 - Toán ứng dụng (18131-3TC) 18124
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước - Hóa kỹ thuật (26206-3TC) - Kỹ thuật nhiệt nâng cao (22232-3TC) 22201 - Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC) 22501 - Kỹ thuật sấy (22245-3TC) 22201 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Tin học văn phòng (17102-3TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước - Kỹ thuật làm lạnh (22234-3TC) 22232 - Thí nghiệm truyền nhiệt (22238-2TC) 22201 - CAD/CAM và CNC (22504-3TC) 22502 - Thủy lực và khí nén ứng dụng (22608-4TC) 18405 - Công nghệ chế tạo cơ khí (22512-3TC) 22502 II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) - Động cơ đốt trong (22154-3TC) 18124 - Phương pháp phần tử hữu hạn (22630-3TC) 18124
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - Thiết kế và tối ưu hóa HT nhiệt (22236-3TC) 22232 - Nhà máy nhiệt điện (22233-3TC) 22201 - Hệ thống điều hòa không khí (22237-4TC) 22232 - Thực tập sản xuất (22239-4TC) II. Tự chọn - Quản lý và đánh giá CLSP (22509-2TC) - Lắp đặt, VH và sửa chữa HT lạnh (22246-2TC) - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) - Hệ thống và thiết bị đường ống (22235-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 0 TC Học trước II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC - Đồ án tốt nghiệp (22241-6TC) - Thiết kế hệ thống cấp nhiệt (22242-2TC) - Thiết kế hệ thống lạnh (22243-2TC) - TK hệ thống ĐH không khí (22244-2TC)

6. Ngành: Ngôn ngữ Anh (7220201) - Chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại (D124)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 97 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ I (16TC) I. Bắt buộc: 16 TC Tiên quyết - Nhập môn ngành NN Anh (25332-2TC) - Kỹ năng Đọc - Viết 1 (25271-4TC) - Kỹ năng Nghe - Nói 1 (25291-4TC) - Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành (25281-2TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (25307-2TC)	HỌC KỲ II (18TC) I. Bắt buộc: 15 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc -Viết 2 (25272-4TC) 25271 - Kỹ năng Nghe - Nói 2 (25292-4TC) 25291 - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Tiếng Nhật 1 (25251-3TC) - Tiếng Trung 1 (25256-3TC) - Tiếng Hàn 1 (25259-3TC) - Làm việc trong MT đa VH (25454E-3TC)
HỌC KỲ III (19 TC) I. Bắt buộc: 14 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 3 (25225-2TC) 25272 - Kỹ năng Nghe hiểu 3 (25205-2TC) 25292 - Kỹ năng Nói 3 (25219-2TC) 25292 - Kỹ năng Viết 3 (25239-2TC) 25272, 25281 - Tiếng Anh thương mại 1 (25456-3TC) 25291 - Đường lối cách mạng của Đảng (19301-3TC) 19201 II. Tự chọn - Tiếng Nhật 2 (25254-3TC) - Tiếng Trung 2 (25257-3TC) - Tiếng Hàn 2 (25260-3TC) - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Tư duy phản biện (25326E-2TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	HỌC KỲ IV (20 TC) I. Bắt buộc: 15 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 4 (25226-2TC) 25225 - Kỹ năng Nghe hiểu 4 (25206-2TC) 25205 - Kỹ năng Nói 4 (25216-3TC) 25219 - Kỹ năng Viết 4 (25236-2TC) 25239 - Kinh tế vi mô (15101E-3TC) - Tiếng Anh thương mại 2 (25457-3TC) 25456 II. Tự chọn - Tiếng Nhật 3 (25255-3TC) - Tiếng Trung 3 (25258-3TC) - Tiếng Hàn 3 (25261-3TC) - Logistics (25451E-3TC) - Giao tiếp thương mại (25450E-2TC) - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ V (19 TC) I. Bắt buộc: 16 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 5 (25227-2TC) 25226 - Kỹ năng Nghe hiểu 5 (25207-2TC) 25206 - Viết luận nâng cao (25237E-3TC) 25236 - Kinh tế vĩ mô (15102E-3TC) 15101E - Logistics và vận tải ĐPT (15815E-3TC) - Quan hệ kinh tế quốc tế (15640E-3TC) II. Tự chọn - Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 (25328E-3TC) - Pháp luật kinh doanh (25452E-3TC) - Marketing (25453E-3TC) - Giao dịch thương mại quốc tế (15629E-3TC)	HỌC KỲ VI (20TC) I. Bắt buộc: 17TC Tiên quyết - Biên dịch thương mại (25314-3TC) 25226, 25236 - Phiên dịch thương mại (25318-3TC) 25206, 25216 - Tin dụng và tài trợ TM quốc tế (15617E-2TC) - Văn hóa văn minh Anh Mỹ (25324E-3TC) - Thuyết trình nâng cao (25217E-3TC) 25216 - Quản lý quốc tế (25449E-3TC) 25216 II. Tự chọn - Ngôn ngữ học Tiếng Anh 2 (25329E-3TC) 25328E - Kinh tế Hàng hải (25455E-3TC) - Du lịch và khách sạn (25448E-3TC) - Giao thoa văn hoá (25325E-3TC) - Marketing quốc tế (28237E-3TC) - Phương pháp giảng dạy TA (25338E-3TC) - Phương pháp nghiên cứu KH (25327E-3TC)
HỌC KỲ VII (4 TC) I. Bắt buộc: 04 TC Tiên quyết Thực tập (25603-4TC)	HỌC KỲ VIII (6 TC) I. Bắt buộc: 0 TC II. Tự chọn tốt nghiệp: 6 - Khóa luận tốt nghiệp (25331-6TC) - Viết chuyên đề (25238E-3TC) - Chuyên đề phiên dịch (25336-3TC) - Thanh toán quốc tế (15601E-3TC)

7. Ngành: Ngôn ngữ Anh (7220201) - Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh (D125)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 97 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ I (16TC) I. Bắt buộc: 16TC Tiên quyết - Nhập môn ngành NN Anh (25332-2TC) - Kỹ năng Đọc -Viết 1 (25271-4TC) - Kỹ năng Nghe - Nói 1 (25291-4TC) - Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành (25281-2TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (25307-2TC)	HỌC KỲ II (18TC) I. Bắt buộc: 15 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc -Viết 2 (25272-4TC) 25271 - Kỹ năng Nghe - Nói 2 (25292-4TC) 25291 - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Tiếng Nhật 1 (25251-3TC) - Tiếng Trung 1 (25256-3TC) - Tiếng Hàn 1 (25259-3TC) - Làm việc trong MT đa VH (25454E-3TC)
HỌC KỲ III (19TC) I. Bắt buộc: 14 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 3 (25225-2TC) 25272 - Kỹ năng Nghe hiểu 3 (25205-2TC) 25292 - Kỹ năng Nói 3 (25219-2TC) 25292 - Kỹ năng Viết 3 (25239-2TC) 25272, 25281 - Tiếng Anh thương mại 1 (25456-3TC) 25291 - Đường lối cách mạng của Đảng (19301-3TC) 19201 II. Tự chọn - Tiếng Nhật 2 (25254-3TC) - Tiếng Trung 2 (25257-3TC) - Tiếng Hàn 2 (25260-3TC) - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Tư duy phản biện (25326E-2TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	HỌC KỲ IV (20 TC) I. Bắt buộc: 15 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 4 (25226-2TC) 25225 - Kỹ năng Nghe hiểu 4 (25206-2TC) 25205 - Kỹ năng Nói 4 (25216-3TC) 25219 - Kỹ năng Viết 4 (25236-2TC) 25239 - Văn hóa văn minh Anh Mỹ (25324E-3TC) - Tiếng Anh thương mại 2 (25457-3TC) 25456 II. Tự chọn - Tiếng Nhật 3 (25255-3TC) - Tiếng Trung 3 (25258-3TC) - Tiếng Hàn 3 (25261-3TC) - Logistics (25451E-3TC) - Dẫn luận ngôn ngữ học (25333-2TC) - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ V (19 TC) I. Bắt buộc: 16 TC Tiên quyết - Kỹ năng Đọc hiểu 5 (25227-2TC) 25226 - Kỹ năng Nghe hiểu 5 (25207-2TC) 25206 - Viết luận nâng cao (25237E-3TC) 25236 - Ngôn ngữ học Tiếng Anh 1 (25328E-3TC) - Biên dịch 1 (25311-3TC) 25226, 25236 - Phiên dịch 1 (25315-3TC) 25206, 25216 II. Tự chọn - Trích giảng văn học Anh (25308E-3TC) - Pháp luật kinh doanh (25452E-3TC) - Marketing (25453E-3TC)	HỌC KỲ VI (20 TC) I. Bắt buộc: 17TC Tiên quyết - Ngôn ngữ học Tiếng Anh 2 (25329E-3TC) 25328E - Biên dịch 2 (25334-2TC) 25311 - Phiên dịch 2 (25316-3TC) 25315 - Giao thoa văn hóa (25325E -3TC) - Thuyết trình nâng cao (25217E-3TC) 25216 - Quản lý quốc tế (25449E-3TC) 25216 II. Tự chọn - Kinh tế Hàng hải (25455E-3TC) - Du lịch và khách sạn (25448E-3TC) - Phương pháp giảng dạy TA (25338E-3TC) - Phương pháp nghiên cứu KH (25327E-3TC)
HỌC KỲ VII (4 TC) I. Bắt buộc: 04 TC Tiên quyết Thực tập (25306-4TC)	HỌC KỲ VIII (6 TC) I. Bắt buộc: 0 TC II. Tự chọn tốt nghiệp: 6TC - Khóa luận tốt nghiệp (25331-6TC) - Viết chuyên đề (25238E-3TC) - Chuyên đề phiên dịch (25336-3TC) - Chuyên đề biên dịch (25335-3TC)

8. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Điện tự động tàu thủy (D103)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 97 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Toán cao cấp (18124-4TC) - Vật lý 2 (18202-3TC) - Giới thiệu ngành (13110-2TC) - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 11 TC Học trước - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Lý thuyết mạch (13422-3TC) - Vật liệu & khí cụ điện (13150-3TC) - An toàn điện (13421-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) - Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - LT điều khiển tự động (13434-3TC) - Điện tử tương tự-số (13330-4TC) - Máy điện (13101-4TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) - Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Điện tử công suất (13350-4TC) 13101;13330 - Cơ sở truyền động điện (13103-3TC) 13101 - Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC) - Kỹ thuật đo lường (13307-3TC) 13330
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước - Phần tử tự động (13119-3TC) 13101 - KT điều khiển thủy khí (13313-3TC) 13330;13150 - Trạm phát điện TT1 (13112-3TC) 13101;13150 - Máy tàu thủy (12105-3TC) - Thực tập (13108-3TC) 13101;13150 II. Tự chọn - Anh văn chuyên ngành KTĐ (25408-3TC) - ĐK logic và ứng dụng (13303-3TC) 13330;13150	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước - Trạm phát điện TT2 (13121-2TC) 13101;13150 - Truyền động điện TT1 (13118-3TC) 13103 - Hệ thống tự động TT1 (13111-3TC) 13119;12105 - PLC và mạng TT CN (13464-4TC) 13330 II. Tự chọn - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) - Biến tần công nghiệp (13336-2TC) 13350
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Truyền động điện TT 2 (13123-2TC) 13103 - Đồ án truyền động điện TT (13124-2TC) 13103 - Đồ án trạm phát điện TT (13122-2TC) 13121 - Hệ thống tự động TT 2 (13126-4TC) 13112;12105 - KT & lắp đặt hệ thống điện TT (13107-3TC) 13108 II. Tự chọn - Thiết bị điện tử Hàng Hải (13242-3TC) - Thiết kế các hệ thống điện TT (13127-3TC) 13108	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước - Thực tập tốt nghiệp (13116-4TC) 13108 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC - Đồ án tốt nghiệp (13157-6TC) 13116 - Tổng hợp cơ sở ngành (13128-3TC) 13116 - Kiến thức chuyên ngành (13129-3TC) 13116

9. Ngành: Kỹ thuật điện tử truyền thông (7520207)-Chuyên ngành: Điện tử viễn thông (D104)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 98 TC

Tự chọn tối thiểu: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Toán cao cấp (18124-4TC) - Vật lý 2 (18202-3TC) - Giới thiệu ngành (13110-2TC) - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 11 TC Học trước - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Lý thuyết mạch (13288-3TC) - LT điều khiển tự động (13434-3TC) - An toàn điện (13421-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) - Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Cấu kiện điện tử (13201-3TC) - Lý thuyết truyền tin (13277-3TC) - Kỹ thuật số (13207-4TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) - Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Kỹ thuật mạch điện tử (13276-4TC) - Kỹ thuật vi xử lý (13279-3TC) 13207 - Xử lý tín hiệu số (13289-3TC) - Trường điện từ và TS (13205-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước - KT đo lường điện tử (13278-3TC) 13276 - Kỹ thuật anten (13290-4TC) 13205 - Kỹ thuật thông tin số (13294-3TC) 13207 - Thực tập Kỹ thuật điện tử (13271-2TC) 13276 II. Tự chọn - Lý thuyết mã (13217-3TC) - Mạng máy tính (13234-2TC) - Kỹ thuật truyền số liệu và mạng (13280-3TC) - Anh văn chuyên ngành ĐTVT (25409-3TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Kỹ thuật siêu cao tần (13212-3TC) - Thiết bị thu phát VTĐ (13226-3TC) - Đồ án 1 (13284-2TC) - Hệ thống thông tin di động (13291-3TC) 13294 - Kỹ thuật truyền hình (13224-2TC) II. Tự chọn - Thông tin vô tuyến (13285-2TC) - Mô phỏng HT thông tin (13282-2TC) - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 17 TC Học trước - Hệ thống thông tin hàng hải (13292-4TC) 13294 - Hệ thống thông tin vệ tinh (13281-4TC) - Hệ thống dẫn đường hàng hải (13293-3TC) - Thực tập chuyên ngành (13297-2TC) - Đồ án 2 (13238-2TC) - Hệ thống nhúng (13235-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước - Thực tập tốt nghiệp (13298-4TC) 13292 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC - Đồ án tốt nghiệp (13274-6TC) - Thiết bị điện tử Hàng Hải (13242-3TC) - Hệ thống thông tin thể hệ mới (13287-3TC)

10. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Điện tự động công nghiệp (D105)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 97 TC

Tự chọn tối thiểu: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 2. Toán cao cấp (18124-4TC) 3. Vật lý 2 (18202-3TC) 4. Giới thiệu ngành (13110-2TC) 5. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 11 TC Học trước 1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 2. Lý thuyết mạch (13422-3TC) 3. Vật liệu & khí cụ điện (13150-3TC) 4. An toàn điện (13421-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3TC) 3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC) 4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 5. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) 6. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 2. LT điều khiển tự động (13434-3TC) 3. Điện tử tương tự-số (13330-4TC) 4. Máy điện (13101-4TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 2. Điện tử công suất (13350-4TC) 13101;13330 3. Cơ sở truyền động điện (13103-3TC) 13101 4. Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC) 5. Kỹ thuật đo lường (13307-3TC) 13330
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước 1. KT điều khiển thủy khí (13313-3TC) 13330;13150 2. Điều khiển quá trình (13309-3TC) 13307 3. Đồ án 1 (13321-2TC) 13307 4. Điều khiển hệ điện cơ (13311-4TC) 13103;13350 5. Thực tập (13354-3TC) 13350;13305 II. Tự chọn 1. Anh văn chuyên ngành KTD (25408-3TC) 2. Xử lý số tín hiệu (13334-3TC) 13307 3. ĐK logic và ứng dụng (13303-3TC) 13330;13150	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Cung cấp điện (13352-4TC) 13150;13101 2. PLC (13314-3TC) 3. Điều khiển Robot (13316-3TC) 13103;13350 4. ĐK sản xuất tích hợp MT (13312-3TC) 13307 II. Tự chọn 1. Biến tần công nghiệp (13336-2TC) 13350 2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước 1. TB điện điện tử máy CN (13318-4TC) 13103 2. Điều khiển số (13310-3TC) 13434;13350 3. Đồ án 2 (13322-2TC) 13311;13314 4. Hệ thống thông tin CN (13320-3TC) II. Tự chọn 1. Tự động hoá quá trình SX (13319-2TC) 2. Mô hình hoá hệ thống (13326-2TC) 13434;13311	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước 1. Thực tập tốt nghiệp (13355-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (13329-6TC) 13355 2. HT tự động hóa trong CN (13324-3TC) 13355 3. ĐK các bộ biến đổi công suất (13325-3TC) 13355

11. Ngành: KT điều khiển & TĐH (7520216)-Chuyên ngành: Tự động hóa hệ thống điện (D121)

Tổng cộng: 122 TC Bắt buộc: 99 TC Tự chọn tối thiểu: 17 TC Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 2. Toán cao cấp (18124-4TC) 3. Vật lý 2 (18202-3TC) 4. Giới thiệu ngành (13110-2TC) 5. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 11 TC 1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 2. Lý thuyết mạch (13422-3TC) 3. Vật liệu & khí cụ điện (13150-3TC) 4. An toàn điện (13421-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3TC) 3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC) 4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 5. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) 6. Cơ lý thuyết (18405-3TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. LT điều khiển tự động (13434-3TC) 3. Điện tử tương tự-số (13330-4TC) 4. Máy điện (13101-4TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 2. Điện tử công suất (13350-4TC) 3. Cơ sở truyền động điện (13103-3TC) 4. Kỹ thuật vi điều khiển (13305-3TC) 5. Kỹ thuật đo lường (13307-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Lưới điện (13453-4TC) 2. Nhà máy điện và trạm biến áp (13456-3TC) 3. Đồ án 1 (13457-2TC) 4. Thực tập (13459-3TC) II. Tự chọn 1. Ngắn mạch trong hệ thống điện (13472-3TC) 2. Năng lượng mới và tái tạo (13470-3TC) 3. Cơ cấu chấp hành (13479-3TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 17 TC 1. PLC và mạng TT CN (13464-4TC) 2. ĐK và vận hành HT điện (13465-4TC) 3. Thiết kế cung cấp điện (13468-3TC) 4. KT điều khiển thủy khí (13313-3TC) 5. Kỹ thuật điện cao áp (13458-3TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Hệ thống SCADA/HMI (13474-3TC) 2. Hệ thống tự động hóa (13471-4TC) 3. Bảo vệ rơle hệ thống điện (13478-4TC) 4. Đồ án 2 (13477-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn chuyên ngành KTĐ (25408-3TC) 2. Kỹ thuật nhiệt (22201-3TC) 3. HT truyền động thủy khí (22625-3TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (13409-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (13400-6TC) 2. Hệ thống điện tổng hợp (13407-3TC) 3. Tự động hóa tổng hợp (13408-3TC)

12. Ngành: Kỹ thuật môi trường (7520320)-Chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường (D115)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 95 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Toán cao cấp (18124-4TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Hóa lý (26251-5TC)	
4. Giới thiệu ngành (26150-2TC)		4. Hóa đại cương (26201-3TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
		4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		5. Xác suất thống kê (18121-2TC)	18124
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Sinh thái học môi trường (26143-2TC)	
2. Hóa học kỹ thuật MT (26158-2TC)	26201	2. Quản lý tài nguyên và MT (26148-3TC)	
3. QT thủy lực và truyền nhiệt (26142-4TC)	26251	3. Quá trình chuyển khối (26144-4TC)	26142
4. Hóa vô cơ 1 (26210-3TC)	26201	4. Hóa phân tích (26248-2TC)	26201
5. Luật và chính sách MT (26103-2TC)		5. Sản xuất sạch hơn (26149-2TC)	26158
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Độc học môi trường (26109-2TC)		2. Anh văn chuyên ngành KMT (25406-3TC)	
3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC)		3. Hóa hữu cơ (26212-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Vi HS ứng dụng trong KTMT (26145-4TC)		1. Phân tích môi trường (26147-3TC)	26146
2. Quan trắc và xử lý số liệu MT (26125-3TC)		2. KT xử lý nước và nước thải (26118-5TC)	26144;26146
3. Môi trường-Sức khỏe-An toàn (26140-2TC)		3. QL chất thải rắn và CT nguy hại (26151-5TC)	26148
4. Kỹ thuật tiến hành phản ứng (26116-2TC)	26251	II. Tự chọn	
5. Hóa học môi trường (26146-3TC)	26201	1. Kinh tế môi trường (26121-2TC)	
6. Thực tập cơ sở ngành (26157-2TC)		2. Bảo vệ MT trong lĩnh vực HH (26154-2TC)	
II. Tự chọn		3. Sử dụng NL tiết kiệm và hiệu quả (26130-2TC)	
1. ÚD HTTT ĐL trong KTMT (26155-2TC)		4. Quản lý chất lượng (26246-2TC)	
2. Các quá trình hoá lý tăng cường (26156-2TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. ĐG tác động và rủi ro MT (26123-3TC)	26148	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
2. Kiểm soát ô nhiễm không khí (26152-4TC)	26144;26146	1. Đồ án tốt nghiệp (26136-6TC)	26123;26160
3. KS và quản lý ô nhiễm MT biển (26153-4TC)	26146	2. Quản lý môi trường (26113-3TC)	26123
4. Thực tập tốt nghiệp (26160-2TC)		3. Kỹ thuật xử lý ô nhiễm MT (26141-3TC)	26160

13. Ngành: Kỹ thuật môi trường (7520320)-Chuyên ngành: Kỹ thuật hóa dầu: (D126)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 94 TC

Tự chọn tối thiểu: 20 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Toán cao cấp (18124-4TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Hóa lý (26251-5TC)	
4. Giới thiệu ngành (26150-2TC)		4. Hóa đại cương (26201-3TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		3. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
		4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		5. Xác suất thống kê (18121-2TC)	18124
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Hóa hữu cơ 2 (26253-2TC)	26208
2. QT thủy lực và truyền nhiệt (26142-4TC)	26251	2. Hóa phân tích (26248-2TC)	26201
3. Hóa học kỹ thuật MT (26158-2TC)	26201	3. Hóa vô cơ 2 (26249-2TC)	26210
4. Hóa vô cơ 1 (26210-3TC)	26201	4. Hóa học dầu mỏ và khí (26242-3TC)	26201
5. Hóa hữu cơ 1 (26208-3TC)	26201	5. Quá trình chuyển khối (26144-4TC)	26142
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Độc học môi trường (26109-2TC)		2. Quản lý tài nguyên và MT (26148-3TC)	
3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Các PP phân tích bằng công cụ (26216-3TC)	26248	1. TH ứng dụng trong CN hóa học (26256-2TC)	26144
2. Hóa học môi trường (26146-3TC)	26201	2. Các phương pháp tổng hợp VL (26257-2TC)	26254
3. Cơ sở hóa học vật liệu (26254-2TC)	26251	3. KTAT và MT trong CN hóa học (26245-2TC)	26146
4. Kỹ thuật tiến hành phản ứng (26116-2TC)	26251	4. Nhiên liệu sạch (26235-2TC)	26242
5. Hóa học các hợp chất cao PT (26255-2TC)	26253	5. Các phương pháp PT hiện đại (26222-2TC)	26248
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn chuyên ngành KTHD (25410-3TC)		1. Sản phẩm dầu mỏ (26244-2TC)	
2. Anh văn chuyên ngành KMT (25406-3TC)		2. Tồn trữ và vận chuyển SP dầu khí (26221-2TC)	
3. Quản lý chất lượng (26246-2TC)		3. Sử dụng NL tiết kiệm và hiệu quả (26130-2TC)	
		4. Điện hóa và hóa keo (26247-2TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 14 TC (Chọn 1 trong 3 nhóm)	Học trước	Nhóm 3: CN hóa học VL (14TC)	Học trước
Nhóm 1: Kỹ thuật hóa dầu (14TC)		1. CN vật liệu polymer và compozit (26258-3TC)	26255
1. Công nghệ chế biến dầu mỏ (26225-5TC)	26242,26144	2. CN sản xuất các vật liệu silicat (26252-2TC)	26254
2. CNCB khí tự nhiên và khí ĐH (26243-3TC)	26144	3. CN vật liệu nano và nano compozit (26259-3TC)	26254
3. Công nghệ Tổng hợp hoá dầu (26227-3TC)	26242	4. CN sản xuất các hợp chất vô cơ (26260-3TC)	26249
4. Xúc tác trong CN hóa dầu (26231-3TC)	26251	5. CN sản xuất các hợp chất hữu cơ (26261-3TC)	26253
Nhóm 2: Hóa học môi trường (14TC)			
1. Phân tích môi trường (26147-3TC)	26146	I. Bắt buộc: 4 TC	
2. KTXL chất thải rắn và CTNH (26159-2TC)	26146	1. Thực tập (26250-4TC)	26245
3. KT xử lý nước và nước thải (26118-5TC)	26144;26146	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
4. Kiểm soát ô nhiễm không khí (26152-4TC)	26144;26146	1. Đồ án tốt nghiệp (26239-6TC)	
		2. CN xanh và năng lượng sạch (26262-3TC)	26235
		3. CNSX monomer và các hóa chất CB (26263-3TC)	26235

14. Ngành: Kỹ thuật công trình biển (7580203)-Chuyên ngành: Xây dựng công trình thủy (D110)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 93 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành KTXD (16324-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC) 18124 2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 3. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124 4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 5. Thủy lực (16320-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 3. Tin học văn phòng (17102-3TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Địa chất công trình (16401-2TC) 2. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405 3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) 18304 4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC) 5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC) 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước 1. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC) 16320 2. Cơ học kết cấu 1 (16202-2TC) 18504 3. Cơ học đất (16203-3TC) 16401 4. Kết cấu thép (16205-2TC) 18504 5. Động lực học sông biển (16322-2TC) 16320 6. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 II. Tự chọn 1. Quy hoạch cảng (16215-3TC) 2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước 1. Kết cấu bê tông cốt thép 1 (16409-4TC) 18504 2. Nền & móng (16206-3TC) 16203 3. Phương pháp số (16301-3TC) 16202 4. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC) 16108 5. Thực tập khí tượng thủy văn (16312-1TC) 16321 II. Tự chọn 1. Cơ học kết cấu 2 (16236-2TC) 16202 2. Công trình đường thủy (16323-3TC) 16322 3. Công trình biển cố định (16235-3TC) 16322 4. An toàn lao động (16520-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 10 TC Học trước 1. Thi công cơ bản (16207-2TC) 16409 2. Quản lý dự án (16123-2TC) 3. Công trình bến (16212-4TC) 16203 4. Tin học ứng dụng (16319-2TC) 16202 II. Tự chọn 1. Âu tàu (16306-3TC) 16320 2. Công trình thủy công trong ĐT (16237-3TC) 16206 3. An toàn lao động (16520-2TC) 4. Công trình thủy lợi (16308-3TC) 16320
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước 1. CT BV bờ biển & đê CS (16309-4TC) 16322 2. Thi công chuyên môn (16216-4TC) 16212 3. Tổ chức & QL thi công CTT (16221-2TC) 16409 4. Kinh tế xây dựng (16447-3TC) 5. Thực tập công nhân (16227-2TC) 16207	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 3 TC Học trước 1. Thực tập tốt nghiệp (16228-3TC) 16227 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/15 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (16229-6TC) 16227 2. Phân tích lựa chọn kết cấu CT (16230-3TC) 16212 3. Phân tích lựa chọn PA thi công (16231-3TC) 16216 4. PT hiệu quả đầu tư dự án XD (16232-3TC) 16447

15. Ngành: Kỹ thuật công trình biển (7580203)-Chuyên ngành: Kỹ thuật an toàn hàng hải (D111)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 93 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành KTXD (16324-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC) 2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 3. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 5. Thủy lực (16320-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 3. Tin học văn phòng (17102-3TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Địa chất công trình (16401-2TC) 2. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) 4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC) 5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC) 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC) 2. Cơ học đất (16203-3TC) 3. Lưới trắc địa và KT tính toán BS (16139-2TC) 4. Cơ sở trắc địa công trình (16133-2TC) 5. Cơ học kết cấu 1 (16202-2TC) 6. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) II. Tự chọn 1. An toàn lao động (16520-2TC) 2. Trắc địa vệ tinh (16140-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Kết cấu bê tông cốt thép 1 (16409-4TC) 2. Tin học CN KTATHH (16122-2TC) 3. Cơ sở khảo sát biển (16134-2TC) 4. Công trình báo hiệu hàng hải (16147-2TC) 5. Động lực học sóng biển (16322-2TC) 6. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC) 7. Thực tập khí tượng thủy văn (16312-1TC) II. Tự chọn 1. Thiết bị báo hiệu hàng hải (16117-2TC) 2. Kỹ thuật viễn thám (16141-2TC) 3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Thi công cơ bản (16207-2TC) 2. Luồng tàu & khu nước của cảng (16110-4TC) 3. Quản lý dự án (16123-2TC) 4. ỨD GIS trong kỹ thuật ATHH (16145-2TC) 5. Trắc địa công trình biển (16146-2TC) II. Tự chọn 1. Công trình đường thủy (16323-3TC) 2. Kinh tế xây dựng (16447-3TC) 3. Nền & móng (16206-3TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 11 TC 1. Thi công công trình BDATHH (16131-4TC) 2. Thành lập bản đồ biển (16137-3TC) 3. QL, KT hạ tầng giao thông HH (16142-2TC) 4. Thực tập chuyên ngành (16124-2TC) II. Tự chọn 1. CT BV bờ biển & đê CS (16309-4TC) 2. Công trình bến (16212-4TC) 3. Kỹ thuật ATGT hàng hải (16143-2TC) 4. Quản lý rủi ro hàng hải (16118-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 3 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (16125-3TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/15 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (16130-6TC) 2. Lập PAKT khảo sát đánh giá ATHH công trình cảng biển (16129-3TC) 3. Lập PAKT về thiết bị và CN thi công nạo vét luồng tàu và khu nước (16128-3TC) 4. Phân tích hiệu quả đầu tư (16144-3TC)

16. Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng (7580201)-Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng CN (D112)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC)	18124
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
5. Giới thiệu ngành KTXD (16324-2TC)		5. Thủy lực (16320-2TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		3. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước
1. Địa chất công trình (16401-2TC)		1. Cơ học kết cấu 1 (16202-2TC)	18504
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Cơ học đất (16203-3TC)	16401
3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC)	18304	3. Kết cấu bê tông cốt thép 1 (16409-4TC)	18504
4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC)		4. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201
5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC)		II. Tự chọn	
6. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106	1. Kỹ thuật thông gió (16420-2TC)	
II. Tự chọn		2. An toàn lao động (16520-2TC)	
1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)		3. Kiến trúc CT dân dụng (16688-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước
1. Phương pháp số (16301-3TC)	16202	1. Thi công cơ bản (16207-2TC)	16409
2. Nền & móng (16206-3TC)	16203	2. Kết cấu thép 2 (16417-3TC)	16413
3. Kết cấu thép 1 (16413-4TC)	16202	3. Thi công lắp ghép nhà CN (16419-4TC)	16413
4. Tin học ứng dụng trong XDD (16443-2TC)	16202	4. Kết cấu bê tông cốt thép 2 (16415-4TC)	16409
5. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC)	16108	5. Cấp thoát nước (16424-2TC)	16320
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Cơ học kết cấu 2 (16236-2TC)	16202	1. Kết cấu gạch đá gỗ (16406-2TC)	
2. Vật lý kiến trúc (16636-2TC)		2. Chuyên đề công trình đặc biệt (16448-2TC)	16409
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 3 TC	Học trước
1. Thiết kế nhà dân dụng & CN (16426-4TC)	16415	1. Thực tập tốt nghiệp (16441-3TC)	16440
2. Tổ chức quản lý thi công XD (16449-3TC)	16419	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/15 TC	
3. Kinh tế xây dựng (16447-3TC)		1. Đồ án tốt nghiệp XDD (16442-6TC)	16440
4. Quản lý dự án (16123-2TC)		2. Lựa chọn PA kết cấu (16444-3TC)	16440
5. Thực tập công nhân (16440-2TC)	16207	3. Lựa chọn Biện pháp TC (16445-3TC)	16440
		4. Phân tích hiệu quả đầu tư (16446-3TC)	16440

17. Ngành: Kỹ thuật công trình giao thông (7580205)-Chuyên ngành: Kỹ thuật cầu đường (D113)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành KTXD (16324-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC) 2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 3. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 5. Thủy lực (16320-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 3. Tin học văn phòng (17102-3TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Địa chất công trình (16401-2TC) 2. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC) 4. Vật liệu xây dựng (16403-2TC) 5. Trắc địa cơ sở (16108-2TC) 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Cơ học kết cấu 1 (16202-2TC) 2. Cơ học đất (16203-3TC) 3. Quản lý dự án (16123-2TC) 4. Tin học ứng dụng cầu đường (16503-2TC) 5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) II. Tự chọn 1. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC) 2. Kết cấu thép (16205-2TC) 3. Nhập môn cầu (16502-2TC) 4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 15 TC 1. Thiết kế hình học đường ô tô (16505-4TC) 2. Kết cấu bê tông cốt thép 1 (16409-4TC) 3. Nền & móng (16206-3TC) 4. Phương pháp số (16301-3TC) 5. Thực tập trắc địa cơ sở (16120-1TC) II. Tự chọn 1. Cơ học kết cấu 2 (16236-2TC) 2. Khảo sát đường ô tô (16531-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Cầu bê tông cốt thép (16532-4TC) 2. Thi công cơ bản (16207-2TC) 3. Cầu thép (16533-4TC) 4. Thiết kế nền mặt đường (16537-3TC) II. Tự chọn 1. Sửa chữa bảo dưỡng đường (16534-2TC) 2. An toàn lao động (16520-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Mô trụ cầu (16535-2TC) 2. Xây dựng cầu (16538-3TC) 3. Tổ chức quản lý thi công đường (16509-4TC) 4. Kinh tế xây dựng (16447-3TC) 5. Thực tập công nhân cầu đường (16523-2TC) II. Tự chọn 1. Khai thác kiểm định cầu (16512-2TC) 2. XD đường và đánh giá CL đường (16536-2TC) 3. Chuyên đề cầu đường (16527-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 3 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (16528-3TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp cầu đường (16529-6TC) 2. Lựa chọn Phương án cầu đường (16521-3TC) 3. Phân tích HQ trong đầu tư XDCĐ (16522-3TC)

18. Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng (7580201)-Chuyên ngành: Kiến trúc DD & CN (D127)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 94 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Hình họa trong kiến trúc và NT (16691-2TC)	16601
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Mỹ thuật 2 (16606-2TC)	16603
3. Cơ sở kiến trúc (16601-2TC)		3. Cơ học công trình (16238-3TC)	
4. Mỹ thuật 1 (16603-2TC)		4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
5. Giới thiệu ngành KTDD (16690-2TC)		5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
6. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		6. Chuyên đề công trình nhỏ (16605-2TC)	16601
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	
		3. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Tin học UD trong TK kiến trúc (16608-2TC)		1. Kiến trúc dân dụng (16643-4TC)	16610
2. Lý thuyết sáng tác kiến trúc (16610-2TC)		2. Kiến trúc công cộng và nội thất (16697-4TC)	16628
3. Kiến trúc công nghiệp (16698-3TC)		3. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201
4. CĐ trường học và nội thất CTGD (16628-2TC)	16605	4. Thiết kế nhanh 1 (16692-2TC)	16601
5. Lịch sử kiến trúc (16604-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Trắc địa cơ sở (16108-2TC)	
1. Địa chất công trình (16401-2TC)		2. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		3. Kỹ thuật thông gió (16420-2TC)	
3. An toàn lao động (16520-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước
1. Chuyên đề nhà ở cao tầng (16615-2TC)	16643	1. Chuyên đề công trình thể thao (16614-2TC)	16697
2. Kết cấu CT xây dựng DD và CN (16650-3TC)		2. Quy hoạch 1 (16695-3TC)	16610
3. Thiết kế nhanh 2 (16694-2TC)	16692	3. Thực tập vẽ ghi (16629-2TC)	
4. TK nội thất và TTB công trình (16633-4TC)	16636	4. Thực tập tham quan kiến trúc (16630-2TC)	
5. Thi công cơ bản (16207-2TC)	16409	5. Vật lý kiến trúc (16636-2TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Lịch sử mỹ thuật (16649-2TC)		1. Kỹ thuật thi công công trình (16618-3TC)	16207
2. Kết cấu gạch đá gỗ (16406-2TC)		2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
3. Nguyên lý kiến trúc cảnh quan (16612-2TC)		3. Vật liệu xây dựng (16403-2TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 3 TC	Học trước
1. Đồ án tổng hợp (16631-4TC)		1. Thực tập tốt nghiệp (16642-3TC)	
2. Quy hoạch 2 (16696-4TC)	16695	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/15 TC	
3. Kiến trúc bền vững (16646-2TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (16638-6TC)	16642
4. Quản lý dự án (16123-2TC)		2. CĐ 1: TK kiến trúc CT DD (16681-3TC)	16642
5. Dự toán xây dựng (16447-3TC)		3. CĐ 2: Quy hoạch đô thị (16682-3TC)	16642
		4. CĐ 3: TK kiến trúc CT CC và CN (16683-3TC)	16642

19. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Kinh tế vận tải biển (D401)

Tổng cộng: 122 TC . Bắt buộc: 91 TC

Tự chọn tối thiểu: 25 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Toán chuyên đề (18125-3TC) - Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) - Kinh tế vi mô (15101-3TC) - Tài chính tiền tệ (28301-3TC) - Giới thiệu ngành (15115-2TC) II. Tự chọn - Tin học văn phòng (17102-3TC) - Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC Học trước - Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 - Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 - Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) - Kinh tế công cộng (15103-3TC) - Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) - Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 - Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 - Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 - Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 - Thuế vụ (28307-2TC) II. Tự chọn - Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) - Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC) - Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Địa lý vận tải (15301-2TC) - Kinh tế VC đường biển (15326-3TC) - Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC) - Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC) - Pháp luật kinh tế (11469-2TC) 11401 II. Tự chọn - Thương mại điện tử (15618-2TC) - Pháp luật thương mại quốc tế (15631-3TC) - Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước - Luật vận tải biển (15322-3TC) 11469 - Kinh tế cảng (15305-2TC) - Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC) - Lý thuyết & kết cấu TT (23127-2TC) - Máy nâng chuyển (22347-2TC) - Thực tập cơ sở ngành (15381-2TC) II. Tự chọn - Kinh tế phát triển (15113-2TC) - Kế toán doanh nghiệp (28109-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 11 TC Học trước - Quản lý khai thác cảng (15386-5TC) 15305 - Đại lý tàu và giao nhận HH (15329-3TC) - Quản lý tàu (15327-3TC) II. Tự chọn - Thị trường chứng khoán (28103-2TC) 15102 - Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC) - Công trình cảng (16234-2TC) - Đại cương hàng hải (11110-2TC) - Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước - PT HĐKT trong VTB (15131-3TC) - Quản trị CL chuỗi cung ứng (15811-2TC) 15815 - Khai thác tàu (15388-5TC) 15327 - Bảo hiểm hàng hải (15308-2TC) - Thực tập chuyên ngành (15382-2TC) 15381 II. Tự chọn - Toán kinh tế (15205-3TC) 18125 - TC lao động tiền lương (15213-3TC) 15386 - Quản trị dự án (28217-3TC) 15102	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước - Thực tập tốt nghiệp (15383-4TC) 15382 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC - Khóa luận tốt nghiệp (15384-6TC) - Kinh doanh vận tải biển (15362-3TC) 15388 - Kinh doanh cảng biển (15361-3TC) 15386

20. Ngành: Kinh doanh quốc tế (7340120)-Chuyên ngành: Kinh tế ngoại thương (D402)

Tổng cộng: 123 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Toán chuyên đề (18125-3TC)		1. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC)	15101
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
5. Giới thiệu ngành (15115-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		2. Kinh tế công cộng (15103-3TC)	
2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC)	
2. Nguyên lý thống kê (15117-2TC)	18125	2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)	
3. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)	28301	3. Khoa học giao tiếp (15607-2TC)	
4. Thuế vụ (28307-2TC)		4. Kinh tế quốc tế (15632-3TC)	
5. Kinh tế lượng (15105-3TC)	18125	5. Thương mại điện tử (15618-2TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Đàm phán thương mại quốc tế (15627-2TC)		1. Chính sách thương mại quốc tế (15633-4TC)	
2. Đầu tư quốc tế (15622-4TC)		2. Marketing quốc tế (28237-3TC)	
3. Pháp luật kinh doanh quốc tế (15636-3TC)		3. Bảo hiểm trong ngoại thương (15619-2TC)	
4. Tín dụng và tài trợ TM quốc tế (15617-2TC)		4. Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC)	
5. Thực tập cơ sở ngành (15645-2TC)		5. PT HĐKT trong KTN (15132-3TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Kinh tế phát triển (15113-2TC)		1. Kinh tế VC đường biển (15326-3TC)	
2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC)	28108	2. Quản trị chiến lược (28209-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Kinh doanh quốc tế (15626-5TC)	15632;15633	1. Thực tập tốt nghiệp (15647-4TC)	15646
2. Thanh toán quốc tế (15648-5TC)	15632;15633	II. Tự chọn: 6/12 TC	
3. Giao nhận vận tải quốc tế (15625-4TC)		1. Khóa luận tốt nghiệp (15644-6TC)	
4. Thực tập chuyên ngành (15646-2TC)	15645	2. Môi trường kinh doanh quốc tế (15650-3TC)	
II. Tự chọn		3. Kế hoạch kinh doanh quốc tế (15651-3TC)	
1. Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC)			
2. Địa lý vận tải (15301-2TC)			

21. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Logistics và chuỗi cung ứng (D407)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 91 TC

Tự chọn tối thiểu: 25 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Toán chuyên đề (18125-3TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Kinh tế vi mô (15101-3TC) 4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC) 5. Giới thiệu ngành (15115-2TC) II. Tự chọn 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC 1. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Kinh tế công cộng (15103-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 3. Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 4. Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 5. Thuế vụ (28307-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC) 2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC) 3. Kinh tế VC đường biển (15326-3TC) 4. Logistics toàn cầu (15805-4TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Đại lý tàu và giao nhận HH (15329-3TC) 2. Logistics cảng biển (15803-4TC) 15101 3. Pháp luật thương mại quốc tế (15631-3TC) 4. Thực tập cơ sở ngành (15831-2TC) II. Tự chọn 1. Khoa học quản lý (15211-2TC) 2. Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC) 3. Bảo hiểm trong ngoại thương (15619-2TC) 4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Logistics dịch vụ (15814-3TC) 15805 2. Logistics vận tải (15804-5TC) 15815 3. Phân tích HĐKT ngành LQC (15133-3TC) 4. Marketing Logistics (15816-2TC) II. Tự chọn 1. Khoa học giao tiếp (15607-2TC) 2. Thị trường chứng khoán (28103-2TC) 15102 3. Pháp luật kinh tế (11469-2TC) 11401
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Quản trị CL chuỗi cung ứng (15811-2TC) 15815 2. Thiết kế hệ thống logistics (15807-4TC) 15815 3. Quản trị kho hàng (15817-5TC) 4. Thực tập chuyên ngành (15832-2TC) 15831 II. Tự chọn 1. Luật vận tải biển (15302-3TC) 15326 2. Quản trị nhân lực (28205-3TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (15833-4TC) 15832 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 1. Khóa luận tốt nghiệp (15812-6TC) 15803,15804 2. Kinh doanh DV Logistics (15839-3TC) 15803,15804 3. Logistics và quản trị CCƯ (15840-3TC) 15803,15804

22. Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Kinh tế vận tải thủy (D410)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 89 TC

Tự chọn tối thiểu: 25 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Toán chuyên đề (18125-3TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Kinh tế vi mô (15101-3TC) 4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC) 5. Giới thiệu ngành (15115-2TC) II. Tự chọn 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC 1. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Kinh tế công cộng (15103-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 3. Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 4. Kinh tế lượng (15105-3TC) 5. Thuế vụ (28307-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC) 2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC) 3. Pháp luật kinh tế (11469-2TC) 4. Kinh tế VC đường thủy NB (15202-2TC) 5. Địa lý vận tải thủy nội địa (15215-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) 3. Quản trị tài chính (28302-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 11 TC 1. Thiết kế và quản lý đường thủy (16316-2TC) 2. Pháp luật vận tải TNĐ (15217-2TC) 3. Kinh tế cảng (15305-2TC) 4. Giao nhận trong vận tải (15218-3TC) 5. Thực tập cơ sở ngành (15227-2TC) II. Tự chọn 1. Luật vận tải biển (15322-3TC) 2. Toán kinh tế (15205-3TC) 3. Lý thuyết & kết cấu TT (23127-2TC) 4. Máy nâng chuyển (22347-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Khoa học quản lý (15211-2TC) 2. Quản lý khai thác cảng (15386-5TC) 3. Lực cản và thiết bị đẩy TT (23150-2TC) 4. Bảo hiểm trong vận tải TNĐ (15206-2TC) 5. Quản trị dự án (28217-3TC) II. Tự chọn 1. Nghiệp vụ ngân hàng (28306-2TC) 2. Nghiệp vụ kho hàng (30101-2TC) 3. Công trình cảng (16234-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 12 TC 1. QL & Khai thác đội tàu TNĐ (15219-4TC) 2. TC lao động tiền lương (15213-3TC) 3. Phân tích HĐKT trong KTT (15134-3TC) 4. Thực tập chuyên ngành (15228-2TC) II. Tự chọn 1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) 2. Kế toán doanh nghiệp (28109-2TC) 3. Quản trị CL chuỗi cung ứng (15811-2TC) 4. Thị trường chứng khoán (28103-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Thực tập tốt nghiệp (15229-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Khóa luận tốt nghiệp (15223-6TC) 2. Kinh doanh vận tải TNĐ (15231-3TC) 3. Kinh doanh cảng TNĐ (15232-3TC)

23. Ngành: Quản trị kinh doanh (D340101) - Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh (D403)

Tổng cộng: 122

Bắt buộc: 94 TC

Tự chọn tối thiểu: 22 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Toán chuyên đề (18125-3TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Kinh tế vi mô (15101-3TC) 4. Giới thiệu ngành (28238-2TC) 5. Tài chính tiền tệ (28301-3TC) II. Tự chọn 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 10 TC Học trước 1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 3. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 4. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC) 15101 II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Kinh tế công cộng (15103-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 2. Nguyên lý thống kê (15117-2TC) 18125 3. Nguyên lý kế toán (28108-3TC) 28301 4. Thuế vụ (28307-2TC) 5. Kinh tế lượng (15105-3TC) 18125 II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 12 TC Học trước 1. Toán tài chính (28309-3TC) 2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC) 28108 3. Marketing căn bản (28210-3TC) 4. Quản trị học (28201-2TC) 5. Thị trường chứng khoán (28103-2TC) 15102 II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Quản lý chất lượng (28221-3TC) 3. Pháp luật KD thương mại (11445-3TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 15 TC Học trước 1. Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC) 3. Kế toán quản trị (28113-3TC) 28108 4. Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC) 5. Thực tập cơ sở ngành (28248-3TC) II. Tự chọn 1. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC) 2. Tiếng Anh CN QTKD (28248-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 14 TC Học trước 1. Quản trị hành chính (28203-3TC) 2. Khởi sự doanh nghiệp (28212-3TC) 3. Quản trị chiến lược (28209-3TC) 4. Quản trị Marketing (28206-5TC) 28210 II. Tự chọn 1. Quản trị công nghệ (28251-3TC) 2. Tâm lý học quản trị (28252-3TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Quản trị dự án (28204-5TC) 28309 2. Quản trị nhân lực (28205-3TC) 3. Quản trị sản xuất (28224-3TC) 4. Thực tập chuyên ngành (28242-2TC) II. Tự chọn 1. Truyền thông marketing (28225-3TC) 2. Tài chính quốc tế (28311-3TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước 1. Thực tập tốt nghiệp (28249-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (28244-6TC) 2. Nghiên cứu Marketing (28240-3TC) 3. Quản trị rủi ro (28223-3TC)

24. Ngành: Quản trị kinh doanh (D340101) - Chuyên ngành: Quản trị tài chính kế toán (D404)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Toán chuyên đề (18125-3TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
4. Giới thiệu ngành (28238-2TC)		4. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC)	15101
5. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		2. Kinh tế công cộng (15103-3TC)	
2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Toán tài chính (28309-3TC)	
2. Nguyên lý thống kê (15117-2TC)	18125	2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC)	28108
3. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)	28301	3. Marketing căn bản (28210-3TC)	
4. Thuế vụ (28307-2TC)		4. Quản trị học (28201-2TC)	
5. Kinh tế lượng (15105-3TC)	18125	5. Thị trường chứng khoán (28103-2TC)	15102
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)		2. Quản lý chất lượng (28221-3TC)	
		3. Pháp luật KD thương mại (11445-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC)		1. Kế toán doanh nghiệp 2 (28129-3TC)	28119
2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)		2. Nghiệp vụ thuế (28312-3TC)	28307
3. Kế toán quản trị (28113-3TC)	28108	3. Kế toán ngân hàng (28110-2TC)	28108
4. Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC)		4. Tài chính quốc tế (28311-3TC)	
5. Thực tập cơ sở ngành (28351-3TC)		5. Kế toán trên máy tính (28106-2TC)	28108
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn chuyên ngành TCKT (28125-2TC)		1. Quản trị nhân lực (28205-3TC)	
2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)		2. Phân tích và đầu tư chứng khoán (28315-3TC)	28103
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Quản trị tài chính (28343-5TC)	28301	1. Thực tập tốt nghiệp (28323-4TC)	
2. Kiểm toán (28111-2TC)	28119	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. Thẩm định và PT tín dụng (28313-2TC)		1. Khóa luận tốt nghiệp QKT (28324-6TC)	
4. Quản lý tài chính công (28304-2TC)	28301	2. Phân tích báo cáo tài chính (28340-3TC)	
5. Kế toán hành chính sự nghiệp (28114-3TC)	28108	3. Tổ chức công tác kế toán (28127-3TC)	28129
6. Thực tập chuyên ngành (28352-2TC)			

25. Ngành: Quản trị kinh doanh (D340101) - Chuyên ngành: Quản trị tài chính ngân hàng (D411)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 94 TC

Tự chọn tối thiểu: 21 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Toán chuyên đề (18125-3TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
4. Giới thiệu ngành (28238-2TC)		4. Kinh tế vĩ mô (15102-3TC)	15101
5. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		2. Kinh tế công cộng (15103-3TC)	
2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Toán tài chính (28309-3TC)	
2. Nguyên lý thống kê (15117-2TC)	18125	2. Kế toán doanh nghiệp 1 (28119-2TC)	28108
3. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)	28301	3. Marketing căn bản (28210-3TC)	
4. Thuế vụ (28307-2TC)		4. Quản trị học (28201-2TC)	
5. Kinh tế lượng (15105-3TC)	18125	5. Thị trường chứng khoán (28103-2TC)	15102
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)		2. Quản lý chất lượng (28221-3TC)	
		3. Pháp luật KD thương mại (11445-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Nguyên lý bảo hiểm (28327-3TC)		1. Thanh toán quốc tế (15601-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)		2. Nghiệp vụ ngân hàng 2 (28314-5TC)	28342
3. Kế toán quản trị (28113-3TC)	28108	3. Quản trị tài chính (28302-3TC)	
4. Nghiệp vụ ngân hàng 1 (28342-3TC)		4. Kế toán ngân hàng (28110-2TC)	28108
5. Thực tập cơ sở ngành (28341-3TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Kế toán trên máy tính (28106-2TC)	28108
1. Anh văn chuyên ngành TCH (28325-2TC)		2. Quản trị công nghệ (28208-2TC)	
2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Thâm định và phân tích tín dụng (28313-2TC)		1. Thực tập tốt nghiệp (28333-4TC)	
2. Phân tích và đầu tư chứng khoán (28315-3TC)	28103	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. Phân tích báo cáo tài chính (28340-3TC)		1. Khóa luận tốt nghiệp (28330-6TC)	
4. Quản trị ngân hàng (28319-2TC)		2. Ngân hàng trung ương (28316-3TC)	
5. Kiểm toán (28111-2TC)	28119	3. Quản trị rủi ro tài chính (28317-3TC)	
6. Thực tập chuyên ngành (28332-2TC)			
II. Tự chọn			
1. Nghiệp vụ thuế (28312-3TC)	28307		
2. Tài chính quốc tế (28311-3TC)			
3. Quản trị nhân lực (28205-3TC)			

26. Ngành: Kỹ thuật tàu thủy (7520122) - Chuyên ngành: Thiết kế tàu và CT ngoài khơi (D107)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 95 TC

Tự chọn tối thiểu: 20 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Cơ lý thuyết (18405-3TC)	18124
3. Vật lý 1 (18201-3TC)		3. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
5. Giới thiệu ngành Đóng tàu (23311-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		2. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước
1. Vật liệu đóng tàu (22508-3TC)		1. Cơ kết cấu tàu thủy (23201-4TC)	18504
2. Sức bền vật liệu (18504-3TC)	18405	2. Bố trí chung & kiến trúc TT (23116-2TC)	
3. Tĩnh học tàu thủy (23103-4TC)		3. Hệ thống tàu thủy (23110-2TC)	
4. Kết cấu tàu và CTBDĐ 1 (23245-2TC)		4. Hệ động lực tàu thủy (12326-3TC)	
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Kết cấu tàu và CTBDĐ 2 (23246-5TC)	23245
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Lý thuyết tối ưu trong đóng tàu (18123-2TC)	18124
1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)		2. Đại cương về CT ngoài khơi (23125-2TC)	
2. Nhiệt kỹ thuật (12101-3TC)	18124;18201	3. Công ước quốc tế trong ĐT (23121-2TC)	
3. Phương pháp tính trong ĐT (23314-3TC)		4. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 17 TC	Học trước
1. Động lực học tàu thủy (23153-4TC)	23103	1. Thiết bị tàu thủy và CTBDĐ 2 (23152-5TC)	23120
2. Thiết bị đẩy tàu thủy 2 (23120-4TC)		2. Thiết kế tàu và CTBDĐ (23117-5TC)	23115
3. Sức bền tàu và CTBDĐ 1 (23243-4TC)	18504	4. Tự động hóa thiết kế tàu (23303-4TC)	
4. Lý thuyết thiết kế tàu thủy (23115-3TC)		5. Chấn động và độ ồn tàu thủy 1 (23244-3TC)	
5. Kỹ thuật đo và thử tàu (23307-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Thiết bị năng lượng tàu thủy (12325-2TC)	
1. Cơ chất lỏng (18404-3TC)	18405	2. Phân tích kinh tế & lập DADT (23308-2TC)	
2. Tải trọng TD lên tàu và CTBDĐ (23316-3TC)		3. Đặc điểm thiết kế thiết bị lặn (23145-2TC)	
3. Vẽ tàu (23102-3TC)		4. Đặc điểm thiết kế tàu cao tốc (23124-2TC)	
4. CN đóng tàu và CTBDĐ (23242-3TC)		5. Công nghệ hàn tàu 1 (23240-2TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 0 TC	Học trước
1. Thực tập tốt nghiệp (23139-4TC)		II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
		1. Đồ án tốt nghiệp (23137-6TC)	
		2. CĐ: Kết cấu tàu và CTBDĐ (23233-3TC)	
		3. CĐ về Thiết kế tàu và CT nổi (23138-3TC)	

27. Ngành: Kỹ thuật tàu thủy (7520122) - Chuyên ngành: Đóng tàu và công trình ngoài khơi (D108)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Vật lý 1 (18201-3TC) 4. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 5. Giới thiệu ngành Đóng tàu (23311-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 11 TC Học trước 1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 19106 2. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124 3. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Tin học văn phòng (17102-3TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC) 4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 17 TC Học trước 1. Vật liệu đóng tàu (22508-3TC) 2. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405 3. Tĩnh học tàu thủy (23103-4TC) 4. Kết cấu tàu và CTBDĐ 1 (23245-2TC) 5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 6. Thực tập cơ khí (20101-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Nhiệt kỹ thuật (12101-3TC) 18124;18201 3. Phương pháp tính trong ĐT (23314-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước 1. Cơ kết cấu tàu thủy (23201-4TC) 18504 2. Bố trí chung & kiến trúc TT (23116-2TC) 3. Hệ thống tàu thủy (23110-2TC) 4. Hệ động lực tàu thủy (12326-3TC) 5. Kết cấu tàu và CTBDĐ 2 (23246-5TC) 23245 II. Tự chọn 1. Lý thuyết tối ưu trong đóng tàu (18123-2TC) 18124 2. Đại cương về CT ngoài khơi (23125-2TC) 3. Công ước quốc tế trong ĐT (23121-2TC) 4. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 19 TC Học trước 1. CN đóng tàu và CTBDĐ 1 (23211-4TC) 23245 2. Tự động hóa trong đóng tàu (23313-5TC) 3. Sức bền - Chấn động (23209-4TC) 23245 4. Thiết bị tàu thủy và CTBDĐ 1 (23141-2TC) 5. TK xưởng và nhà máy ĐT (23226-2TC) 6. Thực tập kỹ thuật (23101-2TC) II. Tự chọn 1. Lắp ráp hệ động lực tàu thủy (12327-2TC) 12326 2. Thiết bị năng lượng tàu thủy (12325-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 16 TC Học trước 1. Kỹ thuật đo và thử tàu (23307-2TC) 2. CN sửa chữa tàu và CTBDĐ (23214-3TC) 3. Công nghệ hàn tàu (23216-4TC) 4. CN đóng tàu và CTBDĐ 2 (23241-4TC) 23211 5. Khoa học quản lý trong ĐT (23247-3TC) II. Tự chọn 1. Tải trọng TD lên tàu và CTBDĐ (23316-3TC) 2. Tài chính tiền tệ (28301-3TC) 3. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC) 22508
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 4 TC Học trước 1. Thực tập (23238-4TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 0 TC Học trước II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/6 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (23222-6TC) 2. CĐ: Kết cấu tàu và CTBDĐ (23233-3TC) 3. CĐ: CNĐM, SC tàu và CTBDĐ (23237-3TC)

28. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (D114)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Giới thiệu ngành CNTT (17200-2TC)		3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	
4. Toán rời rạc (17232-3TC)		4. Kiến trúc máy tính & TBNV (17302-3TC)	
5. Tin học đại cương (17104-3TC)		5. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC)	
6. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		II. Tự chọn	
		1. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
		2. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC)	17206	1. Phân tích và thiết kế hệ thống (17427-3TC)	17426
2. Nhập môn công nghệ PM (17432-2TC)		2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC)	17206
3. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC)	17206	3. Java cơ bản (17523-3TC)	
4. Mạng máy tính (17506-3TC)		4. Bảo trì hệ thống (17304-2TC)	17302
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Thực tập CSDL (17415-3TC)	17426
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Lập trình Python (17230-3TC)		1. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		2. Thương mại điện tử (17543-3TC)	
3. Đồ họa máy tính (17211-3TC)	17206	3. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Lập trình Windows (17535-3TC)	17236	1. Xử lý ảnh (17221-3TC)	17206
2. PT ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)		2. Hệ thống nhúng (17337-3TC)	
3. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC)	17233	3. Lập trình thiết bị di động (17423-3TC)	17523
4. Kỹ thuật vi xử lý (17301-3TC)	17302	4. TT PT ứng dụng trên nền web (17544-4TC)	17415
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Điện toán đám mây (17419-3TC)		1. BD DL dạng bán CT và ứng dụng (17428-3TC)	17426
2. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC)	17506	2. Phân tích TKHT hướng ĐT (17430-3TC)	
		3. Lập trình mạng (17507-3TC)	17506
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 9 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Thị giác máy tính (17226-3TC)	17221	1. Thực tập tốt nghiệp (17914-4TC)	
2. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC)		II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. Tiếp thị trực tuyến (17542-3TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (17902-6TC)	
II. Tự chọn		2. Các hệ cơ sở tri thức (17903-3TC)	17234
1. Robot và các HT thông minh (17333-3TC)		3. Xây dựng và PT dự án CNTT (17911-3TC)	
2. An ninh mạng (17540-3TC)	17506		
3. Dữ liệu lớn (17431-3TC)			
4. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)			

29. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm (D118)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Giới thiệu ngành CNTT (17200-2TC)		3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	
4. Toán rời rạc (17232-3TC)		4. Kiến trúc máy tính & TBNV (17302-3TC)	
5. Tin học đại cương (17104-3TC)		5. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC)	
6. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		II. Tự chọn	
		1. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
		2. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC)	17206	1. Phân tích và thiết kế hệ thống (17427-3TC)	17426
2. Nhập môn công nghệ PM (17432-2TC)		2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC)	17206
3. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC)	17206	3. Java cơ bản (17523-3TC)	
4. Mạng máy tính (17506-3TC)		5. Bảo trì hệ thống (17304-2TC)	17302
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	4. Thực tập CSDL (17415-3TC)	17426
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Lập trình Python (17230-3TC)		1. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		2. Thương mại điện tử (17543-3TC)	
3. Đồ họa máy tính (17211-3TC)	17206	3. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Lập trình Windows (17535-3TC)	17236	1. Xử lý ảnh (17221-3TC)	17206
2. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC)	17233	2. BD DL dạng bán CT và ứng dụng (17428-3TC)	17426
3. XD và quản lý dự án CNTT (17405-3TC)		3. Lập trình thiết bị di động (17423-3TC)	17523
4. Phân tích TKHT hướng ĐT (17430-3TC)		4. TT PT ứng dụng trên nền web (17544-4TC)	17415
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Điện toán đám mây (17419-3TC)		1. Yêu cầu phần mềm (17433-3TC)	
2. Hệ điều hành mã nguồn mở (17308-3TC)		2. PT ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)	
		3. Bảo mật cơ sở dữ liệu (17424-3TC)	
		4. Hệ thống nhúng (17337-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 9 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Khai phá dữ liệu (17409-3TC)		1. Thực tập tốt nghiệp (17910-4TC)	
2. Kiểm thử và đảm bảo CLPM (17418-3TC)		II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (17917-6TC)	
II. Tự chọn		2. Thị giác máy tính (17905-3TC)	17221
1. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)		3. Xây dựng và PT dự án CNTT (17911-3TC)	
2. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC)	17506		
3. Dữ liệu lớn (17431-3TC)			
4. Robot và các HT thông minh (17333-3TC)			
5. An ninh mạng (17540-3TC)	17506		

30. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)-Chuyên ngành: Kỹ thuật truyền thông và MMT (D119)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 19 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
3. Giới thiệu ngành CNTT (17200-2TC)		3. Kỹ thuật lập trình C (17206-3TC)	
4. Toán rời rạc (17232-3TC)		4. Kiến trúc máy tính & TBNV (17302-3TC)	
5. Tin học đại cương (17104-3TC)		5. Cơ sở dữ liệu (17426-3TC)	
6. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		II. Tự chọn	
		1. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	
		2. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233-3TC)	17206	1. Phân tích và thiết kế hệ thống (17427-3TC)	17426
2. Nhập môn công nghệ PM (17432-2TC)		2. An toàn và bảo mật thông tin (17212-3TC)	17206
3. Lập trình hướng đối tượng (17236-3TC)	17206	3. Java cơ bản (17523-3TC)	
4. Mạng máy tính (17506-3TC)		4. Bảo trì hệ thống (17304-2TC)	17302
5. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	5. Thực tập CSDL (17415-3TC)	17426
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Lập trình Python (17230-3TC)		1. Nguyên lý hệ điều hành (17303-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		2. Thương mại điện tử (17543-3TC)	
3. Đồ họa máy tính (17211-3TC)	17206	3. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Kỹ thuật vi xử lý (17301-3TC)	17302	1. Tiếp thị trực tuyến (17542-3TC)	
2. Trí tuệ nhân tạo (17234-3TC)	17233	2. Xử lý ảnh (17221-3TC)	17206
3. Hệ điều hành mạng (17526-3TC)	17506	3. Lập trình mạng (17507-3TC)	17506
4. Lập trình Windows (17335-3TC)	17236	4. Thực tập chuyên ngành Java (17541-4TC)	17523
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Truyền dữ liệu (17336-2TC)		1. Lập trình thiết bị di động (17423-3TC)	17523
2. Lập trình ghép nối ngoại vi (17316-3TC)		2. Phân tích TKHT hướng ĐT (17430-3TC)	
3. PT ứng dụng mã nguồn mở (17314-3TC)		3. Hệ thống viễn thông (17510-2TC)	
4. Mạng không dây và TT di động (17519-3TC)	17506	4. BD DL dạng bán CT và ứng dụng (17428-3TC)	17426
		5. Hệ thống nhúng (17337-3TC)	
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 9 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Thiết kế và lập trình web (17513-3TC)		1. Thực tập tốt nghiệp (17914-4TC)	
2. Thiết kế và quản trị mạng (17509-3TC)	17506	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. An ninh mạng (17540-3TC)	17506	1. Đồ án tốt nghiệp (17918-6TC)	
II. Tự chọn		2. Thiết kế quản trị mạng nâng cao (17907-3TC)	
1. Dữ liệu lớn (17431-3TC)		3. Điện toán đám mây (17419-3TC)	
2. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231-3TC)			
3. Robot và các HT thông minh (17333-3TC)			
4. Thị giác máy tính (17226-3TC)	17221		
5. Công nghệ Internet of Things (17332-3TC)			

31. Ngành: Khoa học Hàng hải (7840106)-Chuyên ngành: Điều khiển tàu biển (D101)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn tối thiểu: 20 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Giới thiệu chuyên ngành ĐKTB (11121-2TC) 2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC) 3. Toán cao cấp (18124-4TC) 4. Vật lý 1 (18201-3TC) 5. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC) 2. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 3. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC) 4. Thiết kế tàu (23126-2TC) 5. An toàn lao động hàng hải (11103-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. La bàn từ (11107-2TC) 3. Thông tin liên lạc hàng hải (11234-3TC) 4. Thủy nghiệp-thông hiệu (11123-4TC) 5. Máy tàu thủy (12117-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Chính sách về biển và đại dương (11428-2TC) 3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 2. Khí tượng Hải dương (11106-3TC) 3. Luật biển (11402-2TC) 4. Thiên văn hàng hải (11233-3TC) 5. Địa văn hàng hải 1 (11231-3TC) II. Tự chọn 1. Anh văn chuyên ngành HH (25458-3TC) 2. TĐ điều khiển tàu thủy (11122-2TC) 3. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Địa văn hàng hải 2 (11232-4TC) 2. Luật hàng hải (11464-3TC) 3. Máy vô tuyến điện hàng hải (11235-5TC) 4. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC) II. Tự chọn 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. TN và PT các TTTT trên biển (11216-2TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 14 TC 1. Quy tắc PNDV trên biển (11111-3TC) 2. Ổn định tàu (11124-4TC) 3. Bảo hiểm Hàng hải (11454-3TC) 4. Máy điện hàng hải (11236-4TC) II. Tự chọn 1. Tin học hàng hải (11114-2TC) 2. NV khai thác tàu container (11218-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Vận chuyển hàng hóa (11237-4TC) 2. Điều động tàu (11238-5TC) 3. PL quốc tế về an toàn hàng hải (11449-3TC) II. Tự chọn 1. Trang TB cứu sinh trên tàu thủy (11125-2TC) 2. HTTT và chỉ báo hải đồ điện tử (11222-2TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 4 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (11501-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (11502-6TC) 2. Lập kế hoạch chuyến đi (11221-2TC) 3. XL các THKC trên biển (11215-2TC) 4. Tồn thất chung (11456-2TC)

32. Ngành: Khoa học hàng hải (7380101)-Chuyên ngành: Luật hàng hải (D120)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 91 TC

Tự chọn tối thiểu: 24 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ I (16 TC) I. Bắt buộc: 13 TC 1. Giới thiệu ngành Luật Hàng hải (11465-2TC) 2. Những NLCB của CN ML 1 (19106-2TC) 3. LL chung về Nhà nước và PL (11470 -4TC) 4. Logic học (19110-2TC) 5. Lịch sử nhà nước và pháp luật (11455- 3TC) II. Tự chọn: 3/6 TC 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28201-3TC)	HỌC KỲ II (17 TC) I. Bắt buộc: 14 TC 1. Những NLCB của CN ML 2 (19109-3TC) 2. Tâm lý học đại cương (19105-2TC) 3. Luật hiến pháp Việt Nam (11471-4TC) 4. Luật hành chính Việt Nam (11431-3TC) 5. Công pháp quốc tế (11446-2TC) II. Tự chọn: 3/7 TC 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Lịch sử hàng hải (11116-2TC) 3. Khoa học giao tiếp (15607-2TC)
HỌC KỲ III (16 TC) I. Bắt buộc: 13 TC 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 2. Đại cương hàng hải (11110-2TC) 3. Luật biển (11402-2TC) 4. Luật Hình sự (11443-3TC) 5. Luật Dân sự (11442-4TC) II. Tự chọn: 3/7 TC 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Đại cương văn hóa Việt Nam (19302-2TC) 3. Địa lý vận tải (15301-2TC)	HỌC KỲ IV (16 TC) I. Bắt buộc: 12 TC 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 2. Pháp luật kinh doanh TM (11445-3TC) 3. Luật Tổ tụng hình sự (11444-2TC) 4. Luật Tổ tụng dân sự (11448-2TC) 5. Luật Lao động Việt Nam (11436-2TC) II. Tự chọn: 4/7 TC 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Chính sách về biển và ĐD (11428-2TC) 3. Kinh tế cảng (15305-2TC) 4. Tập quán thương mại quốc tế (11420-2TC)
HỌC KỲ V (16 TC) I. Bắt buộc: 13 TC 1. Quy tắc PN đâm va trên biển (11111-3TC) 2. Vận chuyển HH bằng ĐB (11239-2TC) 3. Tư pháp quốc tế (11447-3TC) 4. Anh văn chuyên ngành luật (25450-4TC) 5. Thực tập cơ sở ngành LHH (11460-1TC) II. Tự chọn: 3/7 TC 1. Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC) 2. Luật Tài chính - Ngân hàng (11458-2TC) 3. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)	HỌC KỲ VI (15 TC) I. Bắt buộc: 11 TC 1. Xã hội học đại cương (19202-2TC) 2. PL về tàu biển và thuyền bộ TB (11466-2TC) 3. Quản lý rủi ro hàng hải (11438-2TC) 4. Pháp luật quốc tế về an toàn HH (11449-3TC) 5. Các sự cố và tai nạn hàng hải (11413-2TC) II. Tự chọn: 4/6 TC 1. Marketing Logistic (15816-2TC) 2. Kiểm tra nhà nước cảng biển (11440-2TC) 3. Luật Hôn nhân và gia đình (11467-2TC) 4. Luật Thương mại quốc tế (11459-2TC)
HỌC KỲ VII (15 TC) I. Bắt buộc: 11 TC 1. Quản lý nhà nước về Hàng hải (11451-2TC) 2. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC) 3. Bảo hiểm Hàng hải (11454-3TC) 4. PL quốc tế về lao động hàng hải (11439-2TC) 5. Pháp luật về dịch vụ hàng hải (11450-2TC) II. Tự chọn: 4/6TC 1. Pháp luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển (11441-2TC) 2. Quản lý an toàn và an ninh HH (11407-2TC) 3. Giới hạn TNDS trong HH (11437-2TC)	HỌC KỲ VIII (10TC) I. Bắt buộc: 4 TC 1. Thực tập tốt nghiệp (11462-4TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Khóa luận tốt nghiệp (11463-6TC) 2. Kỹ năng giải quyết TC HH (11452-2TC) 3. Tồn thất chung (11456-2TC) 4. Giải quyết BT trong BH HH (11457-2TC)

33. Ngành: Khoa học Hàng hải (7840106)-Chuyên ngành Điều khiển tàu biển (CH101)

Tổng cộng: 130 TC

HỌC KỲ 1 (15 TC)	Học trước	HỌC KỲ 2 (15 TC)	Học trước
1. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106	2. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201
3. Anh văn 1 (25111-5TC)		3. Anh văn 3 (25113-5TC)	
4. Anh văn 2 (25112-5TC)		4. Anh văn chuyên ngành HH (25458E-3TC)	
		5. Giới thiệu chuyên ngành ĐKTB (11121E-2TC)	
HỌC KỲ 3 (17 TC)	Học trước	HỌC KỲ 4 (18 TC)	Học trước
1. Toán cao cấp (18124E-4TC)		1. Cơ lý thuyết (18405E-3TC)	18124E
2. Vật lý 1 (18201E-3TC)		2. Máy tàu thủy (12117E-2TC)	
3. Điện tàu thủy 1 (13171E-2TC)		3. Khí tượng Hải dương (11106E-3TC)	
4. An toàn lao động hàng hải (11103E-2TC)		4. Bảo hiểm Hàng hải (11454E-3TC)	
5. Luật biển (11402E-2TC)		5. Thủy nghiệp - Thông hiệu (11123E-4TC)	
6. Pháp luật đại cương (11401E-2TC)		6. Thông tin liên lạc hàng hải (11234E-3TC)	
		7. Thiết kế tàu (23126E-2TC)	
HỌC KỲ 5 (18 TC)	Học trước	HỌC KỲ 6 (19 TC)	Học trước
1. Máy vô tuyến điện hàng hải (11235E-5TC)		1. Địa văn hàng hải 2 (11232E-4TC)	
2. Luật hàng hải (11464E-3TC)		2. Ổn định tàu (11124E-4TC)	
3. Quy tắc PN đâm va trên biển (11111E-3TC)		3. Thiên văn hàng hải (11233E-3TC)	
4. Địa văn hàng hải 1 (11231E-3TC)		4. Máy điện hàng hải (11236E-4TC)	
5. La bàn từ (11107E-2TC)		5. Kinh tế khai thác thương vụ (11406E-2TC)	
6. TN và PT các TTTT trên biển (11216E-2TC)		6. Tin học hàng hải (11114E-2TC)	
HỌC KỲ 7 (18 TC)	Học trước	HỌC KỲ 8 (10 TC)	Học trước
1. Vận chuyển hàng hóa (11237E-4TC)		I. Bắt buộc: 4 TC	
2. Điều động tàu (11238E-5TC)		1. Thực tập tốt nghiệp (11501E-4TC)	
3. P/lượt quốc tế về an toàn h/hải (11449E-3TC)		II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
4. NV khai thác tàu container (11218E-2TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (11502E-6TC)	
5. TTB cứu sinh trên tàu thủy (11125E-2TC)		2. Lập kế hoạch chuyến đi (11221E-2TC)	
6. HTTT và chỉ báo hải đồ điện tử (11222E-2TC)		3. XL các THKC trên biển (11215E-2TC)	
		4. Tồn thất chung (11456E-2TC)	

34. Ngành Khoa học Hàng hải (7840106) - Chuyên ngành: Khai thác Máy tàu biển (CH102)

Tổng cộng: 120 TC

HỌC KỲ I (15 TC)		HỌC KỲ II (17 TC)	
	Học trước		Học trước
1. Anh văn cơ bản 1 (25111-5TC)		1. Anh văn cơ bản 3 (25113-5TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25112-5TC)		2. Anh văn cơ bản 4 (25414-3TC)	
3. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		3. Toán cao cấp (18124E-4TC)	
4. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)		4. Vật lý 1 (18201E-3TC)	
		5. Nhập môn về kỹ thuật (12113E-2TC)	
HỌC KỲ III (16 TC)		HỌC KỲ IV (19 TC)	
	Học trước		Học trước
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106	1. Đường lối CM của Đảng (19301-3TC)	19201
2. Sức bền vật liệu (18504E-3TC)	18405E;18201E	2. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304E-3TC)	
3. Vật liệu kỹ thuật (22501E-3TC)		3. Lý thuyết điều khiển tự động (12401E-3TC)	18124E;18201E
4. Cơ lý thuyết (18405E-3TC)	18124E	4. Thiết bị và kỹ thuật đo (12106E-2TC)	
5. Tin học văn phòng (17102E-3TC)		5. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502E-3TC)	22501E
6. Thực tập cơ khí (20101-2TC)		6. Nhiệt kỹ thuật (12101E-3TC)	18124E;18201E
		7. Pháp luật đại cương (11401E-2TC)	
HỌC KỲ V (22 TC)		HỌC KỲ VI (21 TC)	
	Học trước		Học trước
1. Máy lạnh và thiết bị trao đổi nhiệt tàu thủy (12102E-3TC)	12101E	1. Các hệ thống trên tàu thủy (12216-3TC)	12215E
2. Nồi hơi-Tua bin hơi tàu thủy (12214E-3TC)	12101E	2. Động cơ diesel TT 2 (12218E-4TC)	12101E;12217E
3. Máy phụ tàu thủy (12215E-3TC)	12101E	3. Hệ thống tự động tàu thủy (12208E-3TC)	12401E
4. Động cơ diesel tàu thủy 1 (12217E-3TC)		4. Khai thác hệ động lực tàu thủy (12220-4TC)	12218E
5. Thiết bị điện (13114E-3TC)		5. Bảo dưỡng và sửa chữa máy TT (12219-4TC)	12215E;12217E
6. Luật HH và ATLĐ trên tàu (12116E-3TC)		6. Điện tàu thủy 2 (13172-3TC)	13171E
7. Tin học chuyên ngành MKT (12107-2TC)			
8. Điện tàu thủy 1 (13171E-2TC)			
HỌC KỲ VII (4 TC)		HỌC KỲ VIII (6 TC)	
	Học trước	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	Học trước
1. Thực tập tốt nghiệp (12503E-4TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (12211-6TC)	12503E
		2. Máy phụ tổng hợp (12212-3TC)	12503E
		3. Động lực tổng hợp (12213-3TC)	12503E

35. Ngành: Công nghệ thông tin (7480201)- Chuyên ngành: Công nghệ thông tin (H114)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 102 TC

Tự chọn tối thiểu: 13 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124H-4TC)		1. Những NLCB của CN ML 2 (19109H-3TC)	19106H
2. Những NLCB của CN ML 1 (19106H-2TC)		2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201H-2TC)	19106H
3. Giới thiệu ngành CNTT (17200H-2TC)		3. Kỹ thuật lập trình C (17206H-3TC)	
4. Toán rời rạc (17232H-2TC)		4. Kiến trúc máy tính & TBNV (17302H-3TC)	
5. Tin học đại cương (17334H-3TC)		5. Cơ sở dữ liệu (17426H-3TC)	
6. Pháp luật đại cương (11401H-2TC)		II. Tự chọn	
		1. Quản trị doanh nghiệp (28214H-3TC)	
		2. Anh văn cơ bản 1 (25111H-5TC)	
		3. Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (17233H-3TC)	17206H	1. Phân tích và thiết kế hệ thống (17427H-3TC)	17426H
2. Nhập môn công nghệ PM (17432H-2TC)		2. An toàn và bảo mật thông tin (17212E-3TC)	17233H
3. Lập trình hướng đối tượng (17236H-3TC)	17206H	3. Java cơ bản (17523H-3TC)	17233H
4. Mạng máy tính (17506H-3TC)		4. Thực tập CSDL (17415H-3TC)	17426H
5. ĐL cách mạng của Đảng (19301H-3TC)	19201H	5. Bảo trì hệ thống (17304H-2TC)	17232H
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Lập trình Python (17230H-3TC)		1. Nguyên lý hệ điều hành (17303H-2TC)	
2. Anh văn cơ bản 2 (25112H-5TC)		2. Anh văn cơ bản 3 (25113H-5TC)	
3. Đồ họa máy tính (17211H-3TC)		3. Thương mại điện tử (17543H-3TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Lập trình Windows (17535H-3TC)	17206H	1. Xử lý ảnh (17221H-3TC)	17236H
2. PT ứng dụng mã nguồn mở (17314H-3TC)		2. Hệ thống nhúng (17337H-3TC)	
3. Trí tuệ nhân tạo (17234H-3TC)	17233H	3. TT PT ứng dụng trên nền web (17544H-4TC)	17415H
4. Kỹ thuật vi xử lý (17301H-3TC)	17302H	4. Lập trình thiết bị di động (17423E-3TC)	17206H
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Điện toán đám mây (17419H-3TC)		1. BD DL dạng bán CT và ứng dụng (17428H-3TC)	17426H
2. Thiết kế và quản trị mạng (17509H-3TC)	17506H	2. Phân tích TKHT hướng đối tượng (17430H-3TC)	
		3. Lập trình mạng (17507E-3TC)	17506H
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 9 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Thị giác máy tính (17226E-3TC)	17221H	1. Thực tập tốt nghiệp (17914H-4TC)	
2. Công nghệ Internet of Things (17332H-3TC)	17506H	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC	
3. Tiếp thị trực tuyến (17542H-3TC)		1. Đồ án tốt nghiệp (17902H-6TC)	
II. Tự chọn		2. Các hệ cơ sở tri thức (17225H-3TC)	17234H
1. Robot và các HT thông minh (17333H-3TC)		3. XD và phát triển dự án CNTT (17911H-3TC)	17427H
2. An ninh mạng (17540H-3TC)	17506H		
3. Dữ liệu lớn (17431H-3TC)			
4. Kỹ thuật học sâu và ứng dụng (17231H-3TC)			

36. Ngành: Kỹ thuật điều khiển & TĐH (7520216) - Chuyên ngành: Điện tự động công nghiệp (H105)

Tổng cộng: 121 TC

Bắt buộc: 95 TC

Tự chọn tối thiểu: 20 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước
1. Những NLCB của CN ML1 (19106H-2TC)		1. Những NLCB của CNML2 (19109H-3TC)	19106H
2. Toán cao cấp (18124H-4TC)		2. Lý thuyết mạch (13422H-3TC)	
3. Vật lý 2 (18202H-3TC)		3. LT điều khiển tự động (13434H-3TC)	
4. Giới thiệu ngành (13110H-2TC)		4. An toàn điện (13421H-2TC)	
5. Pháp luật đại cương (11401H-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn 2 (25112H-5TC)	
1. Anh văn 1 (25111H-5TC)		2. Tin học văn phòng (17102H-3TC)	
2. Quản trị doanh nghiệp (28214H-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101H-2TC)	
3. Môi trường và bảo vệ MT (26101H-2TC)			
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 16 TC	Học trước
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201H-2TC)	19106H	1. Đường lối CM của Đảng (19301H-3TC)	19201H
2. Vật liệu & khí cụ điện (13150H-3TC)		2. Điện tử công suất (13350H-4TC)	13101H;13330H
3. Điện tử tương tự-số (13330H-4TC)		3. Cơ sở truyền động điện (13103H-3TC)	13101H
4. Máy điện (13101H-4TC)		4. Kỹ thuật vi điều khiển (13305E-3TC)	
II. Tự chọn		5. Kỹ thuật đo lường (13307H-3TC)	13330H
1. Anh văn 3 (25113H-5TC)		II. Tự chọn	
2. Kỹ thuật lập trình C (17206H-3TC)			
3. Vẽ kỹ thuật cơ bản 1 (18302H-2TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. KT điều khiển thủy khí (13313E-3TC)	13330H;13150H	1. Cung cấp điện (13352H-4TC)	13150H;13101H
2. Điều khiển quá trình (13309E-3TC)	13307H	2. PLC (13314E-3TC)	
3. Đồ án 1 (13321H-2TC)	13307H	3. Điều khiển Robot (13316E-3TC)	13103H;13350H
4. Điều khiển hệ điện cơ (13311H-3TC)	13103H;13350H	4. ĐK sản xuất tích hợp MT (13312H-3TC)	13307H
5. Thực tập (13354H-3TC)	13350H	II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Biến tần công nghiệp (13336H-2TC)	13350H
1. TACN Kỹ thuật điện (25408H-3TC)		2. Kỹ năng mềm 2 (29102H-2TC)	
2. Xử lý số tín hiệu (13334H-3TC)	13307H	3. Mô hình hoá hệ thống (13326H-2TC)	13434H;13311H
3. Anh văn 4 (25114H-3TC)		4. Tự động hoá quá trình SX (13319H-2TC)	
4. ĐK logic và ứng dụng (13303H-3TC)	13330H;13150H		
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 11 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. TB điện điện tử máy CN (13318H-4TC)	13103H	1. Thực tập tốt nghiệp (13355H-4TC)	
2. Điều khiển số (13310H-3TC)	13434H;13305H	2. Đồ án tốt nghiệp (13329H-6TC)	
3. Đồ án 2 (13322H-2TC)	13311H;13314H		
4. Hệ thống thông tin CN (13320E-2TC)			

37. Ngành: Khoa học Hàng hải (7840106) - Chuyên ngành: Khai thác máy tàu biển (D102)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 (16 TC) I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Vật lý 1 (18201-3TC) 3. Nhập môn về kỹ thuật (12113-2TC) 4. Những NLCB của CN ML 1 (19106-2TC) 5. Pháp luật đại cương (11401-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	HỌC KỲ 2 (17 TC) I. Bắt buộc: 12 TC Học trước 1. Những NLCB của CN ML 2 (19109-3TC) 19106 2. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC) 3. Cơ lý thuyết (18405-3TC) 18124 4. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Toán ứng dụng (18131-3TC) 18124 3. Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC) 4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)
HỌC KỲ 3 (16 TC) I. Bắt buộc: 13 TC Học trước 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19106 2. Nhiệt kỹ thuật (12101-3TC) 18124;18201 3. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 18405 4. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC) 22501 5. Thực tập cơ khí (20101-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. Cơ chất lỏng (18404-3TC) 18405 3. Hóa kỹ thuật (26206-3TC) 4. Lý thuyết cánh (12403-3TC)	HỌC KỲ 4 (18 TC) I. Bắt buộc Học trước 1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC) 19201 2. Anh văn chuyên ngành MKT (25420-3TC) 3. Lý thuyết điều khiển TĐ (12401-3TC) 18124,18201 4. Máy điện - Thiết bị điện (13114-3TC) 5. Máy lạnh & TB trao đổi nhiệt (12115-3TC) 12101 II. Tự chọn 1. Trang trí hệ động lực TT (12108-3TC)* 2. Nguyên lý máy (22628-3TC) 18405 3. Tin học văn phòng (17102-3TC)
HỌC KỲ 5 (16 TC) I. Bắt buộc: 14 TC Học trước 1. Thiết bị kỹ thuật đo (12106-2TC) 2. Nồi hơi - Tuabin TT (12214-3TC) 12101 3. Máy phụ tàu thủy 1 (12215-3TC) 12101 4. Động cơ diesel tàu thủy 1 (12217-4TC)* 5. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC) II. Tự chọn 1. Tua-bin khí (12112-2TC) 12101 2. Lý thuyết & kết cấu tàu thủy (23127-2TC)	HỌC KỲ 6 (17 TC) I. Bắt buộc: 15 TC Học trước 1. Máy phụ tàu thủy 2 (12216-3TC)* 12215 2. Động cơ diesel tàu thủy 2 (12218-4TC) 12101;12217 3. Hệ thống tự động tàu thủy (12208-3TC) 12401 4. Luật hàng hải & An toàn LĐ (12116-3TC) 5. Tin học chuyên ngành MKT (12107-2TC) II. Tự chọn 1. Đại cương hàng hải (11110-2TC) 2. Công nghệ chế tạo máy (12306-2TC) 22502
HỌC KỲ 7 (4 TC) I. Bắt buộc: 4 TC Học trước 1. Thực tập tốt nghiệp (12503-4TC)	HỌC KỲ 8 (16 TC) I. Bắt buộc: 10 TC Học trước 1. Khai thác hệ động lực tàu thủy (12220-4TC) 12218 2. Bảo dưỡng máy tàu thủy (12219-4TC)* 12215,12217 3. Điện tàu thủy 2 (13173-2TC) 13114 II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (12211-6TC) 12503 2. Máy phụ tổng hợp (12212-3TC) 12503 3. Động lực tổng hợp (12213-3TC) 12503

38. Ngành: Kỹ thuật tàu thủy (7520122) - Chuyên ngành: Máy tàu thủy (D106)

Tổng cộng: 120 TC

Bắt buộc: 96 TC

Tự chọn: 18 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Toán cao cấp (18124-4TC) 2. Vật lý 1 (18201-3TC) 3. Pháp luật đại cương (11401-2TC) 4. Những NLCB của CN ML 1 (19106-2TC) 5. Nhập môn về kỹ thuật (12113-2TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	HỌC KỲ 2 I. Bắt buộc: 12 TC 1. Những NLCB của CN ML 2 (19109-3TC) 2. Hình họa - Vẽ kỹ thuật (18304-3TC) 3. Vật liệu kỹ thuật (22501-3TC) 4. Cơ lý thuyết (18405-3TC) II. Tự chọn 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Toán ứng dụng (18131-3TC) 3. Môi trường và bảo vệ môi trường (26101-2TC) 4. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)
HỌC KỲ 3 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Sức bền vật liệu (18504-3TC) 2. Nhiệt kỹ thuật (12101-3TC) 3. Kỹ thuật gia công cơ khí (22502-3TC) 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 5. Thực tập cơ khí (20101-2TC) II. Tự chọn 1. Cơ chất lỏng (18404-3TC) 2. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 3. Hóa kỹ thuật (26206-3TC) 4. Lý thuyết cánh (12403-3TC)	HỌC KỲ 4 I. Bắt buộc: 16 TC 1. Đường lối CM của Đảng CSVN (19301-3TC) 2. Anh văn chuyên ngành MTT (25404-3TC) 3. Nguyên lý máy (22628-3TC) 4. Thiết bị đẩy và kết cấu tàu thủy (23140-3TC) 5. Động cơ diesel tàu thủy (12331-4TC) II. Tự chọn 1. Công nghệ chế tạo máy (12306-2TC) 2. Gia công kỹ thuật số (22507-2TC) 3. Thiết bị cơ khí trên boong (12317-2TC)
HỌC KỲ 5 I. Bắt buộc: 13 TC 1. Thiết kế chi tiết máy (22640-3TC) 2. Nồi hơi Tua bin tàu thủy (12332-3TC) 3. Máy và thiết bị phụ tàu thủy (12333-4TC) 4. Thiết kế hệ động lực tàu thủy (12335-3TC) II. Tự chọn 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Kỹ thuật điện (13476-3TC)	HỌC KỲ 6 I. Bắt buộc: 15 TC 1. Hệ thống làm lạnh và ĐHKK TT (12118-3TC) 2. Dao động hệ động lực tàu thủy (12334-2TC) 3. TK hệ thống năng lượng tàu thủy (12336-4TC) 4. Tự động hóa trong TK hệ ĐLTT (12318-3TC) 5. Sửa chữa hệ ĐLTT (12338-3TC) II. Tự chọn 1. Hệ thống đường ống tàu thủy (12313-2TC) 2. Công nghệ đóng mới tàu thủy (23227-2TC) 3. Điện tàu thủy 1 (13171-2TC)
HỌC KỲ 7 I. Bắt buộc: 4 TC Thực tập tốt nghiệp (12340-4TC)	HỌC KỲ 8 I. Bắt buộc: 10 TC 1. Sửa chữa thiết bị năng lượng TT (12339-4TC) 2. Tự động điều khiển hệ thống ĐLTT (12337-3TC) 3. Lắp ráp hệ thống ĐLTT (12316-3TC) II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC 1. Đồ án tốt nghiệp (12324-6TC) 2. Chuyên đề thiết kế hệ thống ĐLTT (12341-3TC) 3. Chuyên đề công nghệ HT ĐLTT (12342-3TC)